

CHƯƠNG THỨ BA

PHÂN KHOA
KHOA HỌC XÃ HỘI

- ★ Kinh Tế Học
- ★ Thương Mại Học
- ★ Chính Trị Học
- ★ Xã Hội Học

KHOA HỌC XÃ HỘI

MỤC LỤC

- MỤC I. Ban giảng huấn
- MỤC II. Giới thiệu tổng quát
- MỤC III. Điều kiện Nhập Học — Học Chế và Thi Chế.
- MỤC IV. Chương trình chi tiết.
 - A.— Cấp Cao đẳng.
 - B.— Cấp Cử nhân.
 - C.— Cấp Cao học

Văn Phòng : 222, Trương Minh Giảng — Saigon 3

Phòng Số 1, Đ.T : 94.876 — 25.946 / Máy Phụ Số 2

PHÂN KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI

KHOA TRƯỞNG	: Bùi Tường Huân, Tiến sĩ Kinh tế học, Đại học Luật Khoa, Paris, Pháp.
PHÓ KHOA TRƯỞNG	: Trần Như Tráng, Ph. D., (Chính trị học) Đại học Pittsburgh, Hoa Kỳ.
GIÁO SƯ HƯỚNG DẪN HỌC VỤ	: Trần Anh Tuấn, Ph. D., (Quản trị hành chánh công quyền) Đại học Syra- cuse, Hoa Kỳ.
PHỤ TÁ KHOA TRƯỞNG	: Phạm Thị Lệ Hương, M.A., (Thư Viện học) Đại học Kansas, Hoa Kỳ.
VĂN PHÒNG TRƯỞNG	: Lê Văn Tư, Cử Nhân Kinh tế học, ĐH Vạn Hạnh.

MỤC MỘT

BAN GIẢNG HUẤN

Nguyễn Hữu An	: Phó Tổng Thanh Tra, Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam.
Đặng Đình Áng	: Ph.D. (Toán học)
Lê Thái Ất	: Cao học Công Pháp, Đại học Luật Khoa Saigon ; Giảng Viên Học Viện Quốc Gia Hành Chánh.
Nguyễn Thanh Bạch	: Giám Đốc Nha Ngoại Thương, Bộ Kinh tế.
Phạm Hữu Bình	: M.A. (Xã hội học giáo dục) Đại học Pennsylvania, HK.
TT Thích Minh Châu	: Ph.D., (Triết học) Đại học Nalanda, Ấn Độ ; Viện Trưởng ĐH Vạn Hạnh
Phan Tấn Chức	: Tiến sĩ (Kinh tế học) Đại học Luật Khoa Paris, Pháp
Nguyễn Văn Canh	: Tiến sĩ Luật Khoa, Đại học Luật Khoa Saigon.

- Vũ Trọng Cảnh : M.A. (Quản trị hành chánh công quyền) ĐH. Pitts-burgh, Hoa Kỳ; V. Trưởng Viện Tu Nghiệp Quốc Gia.
- Vương Ngọc Diệp : M. A. (Thương mại học) Đại học Canterbury, Tân Tây Lan.
- Hà Dương Dục : M.A. (Thương mại học) Đại học California, HK.
- Nguyễn Văn Đậu : Cao Học (Xã hội học) Đại học Văn Khoa Saigon.
- Lê Triệu Đầu : M.S. (Structural Engineering) ĐH. Illinois, Hoa Kỳ.
- Trần Văn Đĩnh : Giáo sư Học Viện Quốc Gia Hành Chánh.
- Nguyễn Đình Điều : M.S. (Nghiên Cứu tác vụ) Đại học Monterey, Hoa Kỳ.
- ĐD. Thích Giác Đức : Ph.D. (Chính trị học) Đại học Claremont, Hoa Kỳ.
- Cô Nancy Ferro : B.A. Đại học Pomona, HK.
- Mạch Tứ Hải : Cao học Kinh tế, Đại học Luật Khoa Saigon.
- Nguyễn Minh Hải : M.A. (Kinh tế nông nghiệp) Đại học Michigan, Hoa Kỳ.
- Đoàn Triệu Hân : Cao Học (Xã hội học) Đại học Văn Khoa Saigon.

- Nguyễn Cao Hách : Thạc sĩ (Kinh tế học) Đại học Paris, Pháp.
- Tôn Thất Hanh : Cử nhân Luật Khoa, Đại học Luật Khoa Hà Nội.
- Nguyễn Văn Hảo : Tiến sĩ (Kinh tế học) Đại học Genève, Thụy Sĩ. Tổng Đốc Quý Phát Triền.
- Trần Qui Hi : Phó Tổng Giám Đốc Ngân Hàng Phát triển Nông Nghiệp.
- Cao Văn Hở : Ph.D. (Kinh tế học) Đại học Georgetown, Hoa Kỳ.
- Phạm Như Hồ : Maitrise (Xã hội học) Đại học Paris, Pháp.
- Lê Văn Hòa : Ph.D. (Xã hội học) Đại học Kentucky, Hoa Kỳ.
- Đoàn Viết Hoạt : Ph.D. (Giáo dục) Đại học Florida, Hoa Kỳ.
- Nguyễn Hoạt (Hiếu Chân) : Học giả, chuyên trách về các vấn đề Văn Hóa Việt Nam.
- Cô Lê Thị Hồng : M.A. (Kinh tế học) Đại Học Texas, Hoa Kỳ.
- Bùi Tường Huân : Tiến sĩ (Kinh tế học) Đại học Luật Khoa Paris, Pháp.
- Võ Văn Huệ : Giám Đốc Hội Quản Trị Xi Nghiệp.

- Conn B. Hickey : M.A. (Sử học) Đại học Claremont, Hoa Kỳ.
- Phạm Thị Lệ Hương : M.A. (Thư viện học) Đại học Kansas, Hoa Kỳ.
- Phan Hương : M.A. (Thương mại học) Đại học Syracuse, Hoa Kỳ.
- Lâm Ngọc Huỳnh : Tiến sĩ (Triết học và Xã hội học) Đại học Louvain, Bỉ và Đại học Paris Pháp.
- Trần Văn Kiện : Giáo sư Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, Cựu Tổng Trưởng Tài Chánh.
- Trần Đại Khâm : Thâm Phán, Dự thâm Niên Trưởng Tòa Sơ Thâm Saigon.
- Nguyễn Gia Khánh : Luật Sư Tòa Thượng Thâm Saigon.
- Nguyễn Xuân Lại : Tiến sĩ Luật Khoa, Đại học Saigon.
- Nguyễn Văn Lễ : Phó Tổng Thanh Tra, Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam.
- Lâm Thanh Liêm : Tiến sĩ (Địa lý học) Đại học Paris, Pháp.
- Vũ Tài Mạnh : M. A. (Kinh tế và Tài chánh học) Đại học Michigan, HK.

- Bà Vũ Thị Mỹ : M.A. (Dân số học) Đại học North Carolina, Hoa Kỳ.
- Tôn Thất Niệm : Tiến sĩ Y Khoa, Đại học SG.
- Trần Ngọc Ninh : Thạc sĩ Y Khoa, Đại học Paris, Pháp.
- Lê Kim Ngân : Tiến sĩ Luật Khoa, Cao học Sử, Đại Học Saigon.
- Trần Chung Ngọc : Ph.D. (Vật lý học) Đại học Wisconsin, Hoa Kỳ.
- Trần Lương Ngọc : M.A. (Thương mại học) Đại học Melbourne, Úc Đại Lợi.
- Nguyễn Văn Ngón : Tiến sĩ (Kinh tế học) Đại Học Luật Khoa Saigon.
- ĐD. Thích Long Nguyệt : M.A. (Thương mại học) Đại học Kyoto, Nhật Bản.
- Nguyễn Khắc Nhân : Giáo sư Học Viện Quốc Gia Hành Chánh.
- Bùi Thúc Qui Nhơn : M.A. (Kinh tế học) Đại học Washington, Hoa Kỳ.
- Nguyễn Xuân Như : M.A. (Thương mại học) Đại học Ball State Indiana, Hoa Kỳ.
- Nguyễn Ngọc Phách : Cao Học (Nhân văn học) Đại học Văn Khoa Saigon.

- Vũ Trọng Phan : M.A. (Xã hội học) Đại học, Texas, Hoa Kỳ.
- Lê Đình Phước : M.A. (Công tác xã hội) Đại học Illinois, Hoa Kỳ.
- Đỗ Đăng Quang : Phó Giám đốc Chartered Bank Saigon.
- Nguyễn Quang Quỳnh : Tiến sĩ Luật Khoa, Đại học Paris, Pháp.
- Lê Bá Sảng : Cử nhân Văn Chương, Đại học Sorbonne, Pháp.
- Lâm Văn Sĩ : Tổng Giám đốc SOFIDIV.
- Lê Văn Siêu : Học giả, chuyên trách về các vấn đề Tôn giáo và Tín ngưỡng VN.
- Tạ Văn Tài : Ph.D. (Chính trị học) Đại học Virginia, Hoa Kỳ.
- Phan Hữu Tật : Tốt nghiệp Cao Đẳng Thương Mại, Đại Học Montpellier, Pháp.
- Huỳnh Văn Tông : Tiến sĩ (Báo chí học) Đại học Sorbonne, Pháp.
- Vũ Tam Tư : Tiến sĩ Luật Khoa Đại học SG.
- Trần Văn Tươi : Kỹ sư, M.P.A, Đại học Pittsburgh, Hoa Kỳ.
- Trần Văn Tuyên : Luật Sư Tòa Thượng Thẩm.

- Trần Anh Tuấn : Ph. D. (Quản trị Hành Chánh Công quyền) Đại học Syracuse, Hoa Kỳ.
- Nguyễn Văn Thái : Chủ nhiệm Nguyệt San Thời Nay, Giáo sư Văn Khoa VH.
- Nghiêm Thâm : Tốt nghiệp Học Viện Louvres, Pháp; Giám Đốc Viện Bảo Tàng Quốc Gia, Giáo sư Đại Học Văn Khoa Saigon.
- Lê Văn Thận : Giáo sư Học Viện Quốc Gia HC.
- Hoàng Ngọc Thành : Ph.D. (Sử học) Đại học Hawaii, Hoa Kỳ.
- Nguyễn Văn Thành : M.A. (Quản trị công) Đại Học Brigham Young, Hoa Kỳ.
- Vũ Quốc Thông : Thạc sĩ Công Pháp, Đại học Luật Khoa Paris, Pháp.
- Vũ Quốc Thúc : Thạc sĩ Kinh tế, Đại Học Luật Khoa Paris, Pháp.
- Phạm Đình Thúc : Cao Học (Xã hội học) Đại học Văn Khoa Saigon.
- Nguyễn Ngọc Thủy : Học giả, chuyên viên Hội Đồng Sắc Tộc.
- Cung Thúc Tiến : Tiến sĩ (Kinh tế học) Đại học Cambridge, Anh.

- Phạm Huy Trác : M.A. (Thương mại học) Đại học Canterbury, Tân Tây Lan.
- Bà Trần Thị Hoài Trân : Tiến sĩ (Chính trị học) Đại học Paris Pháp.
- Trần Như Tráng : Ph.D. (Chính trị học) Đại học Pittsburgh, Hoa Kỳ.
- Mai Xuân Trinh : Phó Giám đốc Tín Dụng, Ngân Hàng Việt Nam Thương Tín
- Trương Công Trứ : D.E.S. (Kinh toán học) Đại học Bordeaux, Pháp.
- Lê Quang Trung : Tiến sĩ (Xã hội học) Đại học Montpellier, Pháp.
- Lê Công Truyền : Tiến sĩ Luật Khoa, Đại Học Luật Khoa Saigon.
- Ái Văn : Kỹ sư, M.S. (Structural Engineering) Đại học Pittsburgh, HK
- Nguyễn Ngọc Văn : Tiến sĩ (Kinh tế học) Đại học Luật Khoa Saigon.
- Vũ Thiện Vinh : Cựu Tổng Giám Đốc Thuế Vụ, Cố Vấn Pháp Luật Công Ty ESSO Việt Nam.
- Phạm Hữu Vũ : M.A. (Thương mại học) Đại học Syracuse, Hoa Kỳ.
- Trần Ngọc Xuân : Tiến sĩ Luật Khoa, Đại học SG.

MỤC HAI

GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT

Được thành lập từ năm 1967, Phân Khoa Khoa Học Xã Hội nhằm mục tiêu cung cấp một nền giáo dục bậc Đại học tân tiến và thích nghi, trong các lãnh vực Kinh tế, Chính trị, Xã Hội và Thương Mại. Những lãnh vực này được xem như những ngành chính yếu của Khoa Học Xã Hội.

Danh hiệu « Khoa Học Xã Hội » của Phân Khoa cũng nói lên tham vọng của các giới chức lãnh đạo Viện Đại Học Vạn Hạnh và Phân Khoa, muốn thực hiện một quan niệm giáo dục mới về các ngành Khoa Học Xã Hội. Quan niệm ấy là, tất cả mọi ngành chuyên biệt trong Khoa Học Xã Hội, tuy cách biệt nhưng hỗ tương. Điển hình là Kinh tế học không thể là một ngành học biệt lập gạt bỏ những vấn đề chính trị và xã hội.

Và nếu đặc trưng của thế giới tân tiến là sự liên thuộc giữa nhiều ngành hoạt động mà trong quá khứ đã biệt lập, thì những nhu cầu của xã hội ngày mai nhất là tại các quốc gia đang phát triển là những chuyên viên vừa có tầm hiểu biết tổng quát về các biến chuyển xã hội vừa chuyên môn trong ngành hoạt động.

Chính trong quan niệm ấy mà Phân Khoa Khoa Học Xã Hội được thành lập, và cấp phát những văn bằng Cử Nhân, Cao Học, và Tiến Sĩ Khoa Học Xã Hội với những ngành chuyên môn, để có thể thỏa mãn nhu cầu « có vẻ mâu thuẫn » của xã hội tân tiến : những chuyên viên vừa có đủ những kiến thức văn hóa, xã hội và chính trị vừa rất rành rẽ về những phạm vi chuyên môn của họ.

Với bốn ngành học chính (Kinh Tế, Chính Trị, Xã Hội và Thương Mại) và nhiều ngành học phụ, Phân Khoa hy vọng sẽ cung ứng đủ cho sinh viên các cấp một hành trang đầy đủ, vừa đa năng vừa chuyên biệt, để sinh viên tốt nghiệp có thể tham gia hoạt động trong nhiều ngành sinh hoạt khác nhau : Kinh tế, ngân hàng, thương mại, xí nghiệp, lao động, xã hội, hành chánh, ngoại giao, báo chí...

MỤC BA

ĐIỀU KIỆN NHẬP HỌC HỌC CHẾ VÀ THI CHẾ

A.— CẤP CAO ĐẲNG

Điều kiện nhập học vào Phân Khoa Khoa Học Xã Hội được ấn định theo tiêu chuẩn mà Nha Học Vụ, Đại Học Vạn Hạnh đã đề ra.

Nhập học vào cấp Cao Đẳng không đòi hỏi điều kiện thi tuyển, nhưng ưu tiên dành cho các ứng viên công, tư chức hay quân nhân và có văn bằng Tú Tài toàn phần hay tương đương.

Nhập học đặc cách ở cấp Cao Đẳng cũng được cứu xét cho các sinh viên chuyển trường, hay các ứng viên đã tốt nghiệp Đại Học, như các điều kiện đã qui định ở cấp Cử nhân.

Các sinh viên tốt nghiệp cấp Cao Đẳng Khoa Học Xã Hội sẽ được nhập học năm Thứ Ba cấp Cử Nhân với một trong hai thể thức sau :

— hoặc đã thi đỗ cấp Cao Đẳng Khoa Học Xã Hội với hạng Bình Thứ trở lên.

- hoặc đã thi đỗ kỳ thi nhập học đặc biệt vào năm thứ Ba cấp cử nhân.

B.— CẤP CỬ NHÂN

Được nhập học cấp Cử Nhân của Phân Khoa Khoa Học Xã Hội, những sinh viên đã đậu kỳ thi nhập học do Phân Khoa tổ chức.

Bài thi gồm :

- một bài khảo sát kiến thức tổng quát (trắc nghiệm)
- một bài Việt luận về những vấn đề phổ thông.
- và một bài sinh ngữ Anh văn hoặc Pháp văn,

Được nhập học miễn thi, những sinh viên đã đậu Tú Tài toàn phần từ hạng Bình thứ trở lên.

Tuổi không phải là điều kiện để theo học tại Phân Khoa Khoa Học Xã Hội. Phân Khoa đón nhận sinh viên không phân biệt tuổi tác. Tuy nhiên, Phân Khoa và Viện chỉ có thể can thiệp về vấn đề quân dịch cho những sinh viên hội đủ điều kiện hoãn dịch theo luật động viên hiện hành.

Sinh viên đã đậu kỳ thi cuối năm tại các trường Đại học trong hoặc ngoài nước có thể được đặc cách nhập học tại Phân Khoa Khoa Học Xã Hội để tiếp tục học trình cấp cử nhân nếu hội đủ những điều kiện đặc biệt do Hội Đồng Khoa ấn định.

Ứng viên tốt nghiệp đại học cũng sẽ được nhập học cấp cử nhân Khoa Học Xã Hội với những đặc lệ do Hội Đồng Khoa quyết định căn cứ trên hồ sơ học vụ của ứng viên.

C.— CẤP CAO HỌC

1) Các sinh viên Khoa Học Xã Hội, ĐH Vạn Hạnh, Ban Kinh Tế, Thương Mại được nhập học miễn thi vào Ban Kinh Tế — Doanh Thương cấp Cao Học tại Phân khoa Khoa Học Xã Hội.

2) Các sinh viên Khoa Học Xã Hội, ĐH Vạn Hạnh, Ban Chính Trị, Xã Hội được nhập học miễn thi vào Ban Chính Trị — Xã Hội cấp Cao Học tại Phân khoa Khoa Học Xã Hội.

3) Các sinh viên Khoa Học Xã Hội, ĐH Vạn Hạnh, đổi ngành học tại cấp Cao Học sẽ phải thi nhập học. Thí dụ : Cử Nhân Kinh Tế, Thương Mại muốn học cấp Cao Học Chính Trị Xã Hội thì phải thi tuyển nhập học.

4) Các sinh viên có bằng cử nhân (như bằng Doctorat Hành Chánh hay tương đương) của các Đại Học khác, hay Phân Khoa khác của ĐH Vạn Hạnh : phải qua một kỳ thi tuyển nhập học do Phân khoa Khoa Học Xã Hội tổ chức.

a) Hồ sơ xin thi tuyển gồm :

- 1 đơn xin thi tuyển (do văn phòng phát)

- 1 Bản sao chứng chỉ cử nhân hay tương đương (xuất trình bản chính để kiểm soát, trả lại ngay).
- Bản sao phiếu điểm (nếu có càng tốt cho việc xét đơn) của học trình cử nhân.
- Bản sao Tú Tài II (xuất trình bản chính để kiểm soát, trả lại ngay).
- 1 khai sinh
- 2 ảnh 4 x 6

b) Bài thi gồm có :

- 1 bài sinh ngữ Anh văn hoặc Pháp văn,
- 1 bài luận tổng quát về vấn đề :
 - ★ Kinh tế, thương mại dành cho thí sinh ban Kinh tế — Doanh thương,
 - ★ Chính trị, xã hội dành cho các thí sinh ban Chính trị — Xã hội.

Hướng Dẫn Học Vụ :

Các sinh viên Cao Học sẽ được hướng dẫn học vụ một cách chu đáo dưới các hình thức sau đây :

1) *Trước khi học* : Giáo Sư Hướng Dẫn Học Vụ tại Phân khoa Khoa Học Xã Hội sẽ bàn với sinh viên về ngành chuyên khoa, về các giảng văn bổ túc, cũng như các vấn đề liên hệ đến sự thu nhận.

2) *Trong khi học* : Kể từ lúc bắt đầu học, Phân Khoa sẽ chỉ định cho sinh viên Cao Học một giáo sư hướng dẫn. Vị giáo sư này sẽ theo dõi và giúp đỡ sinh viên trong suốt thời gian học tại trường về tất cả mọi vấn đề liên hệ đến học vụ.

3) *Khi viết Luận Văn* : Trong khi đang học các giảng văn, hoặc sau khi hoàn tất các giảng văn bắt buộc, sinh viên sẽ chọn một Giáo Sư Hướng Dẫn Luận Văn trong số các Giáo Sư có giảng dạy đề soạn thảo luận văn.

Đề xuất Luận văn :

Sự soạn thảo và đề xuất luận văn Cao Học được qui định như sau :

1) *Soạn thảo* : Trễ nhất là hai tháng trước khi hoàn tất giảng văn (12 giảng văn), sinh viên phải chọn xong Giáo Sư Hướng Dẫn Luận Văn. Nếu sinh viên yêu cầu, Phân Khoa sẽ chọn giúp. Dàn bài sơ lược của luận văn có chữ ký thuận của Giáo Sư Hướng Dẫn Luận Văn phải được sinh viên nộp cho Văn Phòng Phân Khoa trước khi sinh viên ghi danh viết luận văn.

2) *Đề xuất* : Sau khi hoàn tất luận văn, sinh viên sẽ nộp đơn cho Văn Phòng Phân Khoa (có chữ ký thuận của Giáo Sư Hướng Dẫn Luận Văn) xin định ngày đề xuất. Phân Khoa sẽ chỉ định thêm hai Giáo Sư dạy Cao Học đề cùng với Giáo Sư Hướng Dẫn Luận Văn họp thành Hội

Đồng Giám Khảo Đề xuất Luận Văn Cao Học. Vị Giáo Sư Hướng Dẫn Luận Văn là Chủ Tịch Hội Đồng.

Trễ nhất là nửa tháng trước ngày đề xuất, sinh viên phải nộp cho Văn Phòng Phân Khoa 5 bản luận văn (đánh máy hoặc quay ronéo) đề Văn Phòng phân phối cho ba vị Giám Khảo, Thư Viện, và lưu tại Văn Phòng.

MỤC BỐN

CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

A.— CẤP CAO ĐẲNG

Nhằm giúp các công tư chức và quân nhân bận công việc ban ngày có cơ hội trau dồi kiến thức và theo đuổi giáo dục Bậc Đại Học, Phân Khoa Khoa Học Xã Hội, song song với các lớp ban ngày, đã mở Ban Cử Nhân đêm dành riêng cho công tư chức và quân nhân.

Ban Cử Nhân đêm(hay BanCao Đẳng)không thua kém lớp Cử Nhân ban ngày về chương trình và trình độ.Tuy nhiên, vì tính chất đặc biệt của sinh viên lớp đêm (những sinh viên đã trưởng thành và có nhiều kinh nghiệm xã hội), đường hướng giáo dục của Ban Cử Nhân đêm được đặt nặng về phần thực tiễn hơn là lý thuyết thuần túy. Tuy nhiên, Phân Khoa duy trì phần kiến thức lý thuyết tối cần để bảo đảm giá trị của văn bằng Đại Học.

Cuối học trình năm thứ hai, nếu thi đỗ, sinh viên sẽ được cấp phát văn bằng CAO ĐẲNG KHOA HỌC XÃ HỘI. Sinh viên, tùy theo điều kiện cá nhân, sẽ tùy nghi quyết định theo học tiếp bậc Đại Học để hoàn tất văn

bằng CỬ NHÂN KHOA HỌC XÃ HỘI (với 4 ngành chuyên môn: Chính trị, Kinh tế, Thương mại, và xã Hội) hoặc tạm thời dừng lại với văn bằng Cao Đẳng Khoa Học Xã Hội.

NĂM THỨ NHẤT

Đệ nhất bán niên

Môn học	Học phần	Giáo Sư
Tinh thần và Phương pháp Đại học	1	Đoàn Viết Hoạt, Ph.D.
Sinh Ngữ Cấp 1	3	
Kinh Tế Học I	2	Phan Tấn Chức, Tiến Sĩ
Hiến Pháp Đối Chiếu và Tổ chức Chánh trị Hành chánh Việt Nam	3	Nguyễn Xuân Lại, Tiến sĩ
Xã Hội Học	3	Phạm Như Hồ, Maitrise
Tiền Tệ và Ngân Hàng I	2	Vương Ngọc Diệp, MBA
Kế Toán Căn Bản I	3	Hà Dương Dực, MBA
Cộng 16		

Đệ nhị Bán niên

Sinh Ngữ Cấp 2	3	
Kinh Tế Học II	2	Phan Tấn Chức, Tiến Sĩ
Chính Trị Học	3	Trần Như Tráng, Ph.D.
Tiền Tệ và Ngân Hàng II	2	Vương Ngọc Diệp, MBA

Khoa Học Quản Trị	3	Trần Anh Tuấn, Ph.D.
Kế Toán Căn Bản II	2	Hà Dương Dực, MBA
Toán Học I	3	Ái Văn, Kỹ Sư và M.S.
Cộng 18		

NĂM THỨ HAI

Đệ nhất Bán Niên

Môn học	Học Phần	Giáo Sư
Sinh Ngữ Cấp 3	3	
Văn Hóa và Xã Hội V.N	2	Nguyễn Hoạt, Học Giả
Thống Kê và Xác Suất I	2	Trần Chung Ngọc, Ph. D
Thông Tin Doanh Thương	2	Nguyễn Văn Canh, Tiến Sĩ
Kế Toán Thương Mại I	2	Phạm Hữu Vũ, MBA
Pháp Chế Thương Mại	3	Nguyễn Gia Khánh, Luật Sư
Phương Pháp Khoa Học Xã Hội	3	Trần Văn Dĩnh, G.S
		Học Viện Quốc Gia Hành Chánh
Cộng 17		

Đệ nhị Bán niên

Sinh Ngữ Cấp 4	2	
Toán Pháp Tài Chánh	2	Mạch Tử Hải, Cao Học

Kinh Tế Áp Dụng	3	Nguyễn Thanh Bạch Giám Đốc Ngoại Thương, Bộ Kinh Tế
Kinh Tế Việt Nam	3	Nguyễn Văn Ngôn, Tiến Sĩ
Thống Kê và Xác Suất II	2	Trần Chung Ngọc, Ph. D
Kế Toán Thương Mại II	2	Phạm Hữu Vũ, MBA
Pháp Chế Thực dụng	2	Nguyễn Khắc Nhân, GS Học Viện Quốc Gia Hành Chánh

Cộng 17

B.— CẤP CỬ NHÂN

Các Cử Nhân Khoa Học Xã Hội được phân chia thành bốn ngành chính : Chính trị học, Kinh tế học, Thương mại học, và Xã hội học.

Các năm thứ Nhất và thứ Hai có mục đích hướng dẫn sinh viên vào những khái niệm đại cương của những ngành chính yếu trong phạm vi Khoa Học Xã Hội. Trong hai năm này, sinh viên cũng sẽ được giảng dạy những môn học thực hành bổ túc cho lý thuyết, xét cần cho một viên chức chỉ huy trung cấp.

Sinh viên tất cả mọi ngành Cử Nhân Khoa Học Xã Hội đều học chung trong hai năm này, từ năm thứ Ba, sinh viên sẽ học kỹ ngành chuyên môn mà sinh viên đã chọn.

Chương trình của Ban Cử Nhân được ấn định như sau:

NĂM THỨ NHẤT VÀ NĂM THỨ HAI

(Chương trình chung cho cả bốn ban : Chính Trị,
Kinh Tế, Thương Mại và Xã Hội)

NĂM THỨ NHẤT

Đề nhất Bán niên

Môn học	Học phần	Giáo Sư
Tinh Thần và Phương Pháp Đại Học	1	Đoàn Viết Hoạt, Ph. D.
Sinh ngữ cấp 1	3	
Kinh Tế Học I	2	Vũ Quốc Thúc, Thạc Sĩ
Chính Trị Học I	2	Thích Giác Đức, Ph. D.
Xã Hội Học I	2	Lâm Ngọc Huỳnh, Tiến Sĩ
Toán Học I	3	Đặng Đình Áng, Ph. D. Lê Triệu Đầu, M.S. Nguyễn Ngọc Phách, Cao Học Nguyễn Đình Điều, M.S.
Diễn Tiến Phát Triển Xã Hội I	2	Trần Như Tráng, Ph. D.
Cộng	15	

Đệ nhị Bản niên

Môn học	Học phần	Giáo Sư
Sinh Ngữ 2	3	
Kinh Tế Học II	2	Vũ Quốc Thúc, Thạc Sĩ
Hiến Pháp Đối Chiếu và Tỏ		
Chức Chính Trị Hành		
Chánh Việt Nam	3	Vũ Quốc Thông, Thạc Sĩ
		Công Pháp
Chính Trị Học II	2	Thích Giác Đức, Ph. D.
Xã Hội Học II	2	Trần Văn Đĩnh, G.S Học
		Viện Quốc Gia Hành Chánh
Khoa Học Quản Trị	3	Trần Lương Ngọc, M.A.
		Phó Tổng Giám Đốc Kế
		Hoạch.
Diễn Tiến và Phát triển		Trần Anh Tuấn, Ph.D.
Xã Hội II	2	
Cộng 17		

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

- X.131 *Tinh thần và Phương pháp Đại học* (1 Hp)
Đoàn Viết Hoạt, Ph. D., Đ.H. Florida, Hoa Kỳ.
Ý nghĩa và mục đích của giáo dục đại học —
Giáo dục đại học Việt Nam trong hoàn cảnh
hiện tại — Phương pháp học tập và nghiên

cứu ở đại học : hội thảo, thuyết trình, sử dụng thư viện, phương pháp đọc sách và ghi chú tài liệu, viết luận văn và tiểu luận tốt nghiệp.

- X.101 *Sinh ngữ Anh văn 1* (3 Hp)
X.102 *Sinh ngữ Anh văn 2* (3 Hp)
X.110 *Sinh ngữ Pháp văn 1* (3 Hp)
X.111 *Sinh ngữ Pháp văn 2* (3 Hp)
X.136 A,B *Kinh tế học I, II* (4 Hp)
Vũ Quốc Thúc, Thạc sĩ Kinh Tế Học,
Đại Học Paris, Pháp Quốc.

Đại cương về khoa Kinh tế học. Các ý niệm căn bản về phân tích kinh tế (tài hóa, dịch vụ, sản xuất, mậu dịch). Các hệ thống kinh tế. Kinh tế tiền tệ. Giá cả, sản phẩm và dịch vụ. Cầu và cung. Các hình thức thị trường cạnh tranh. Chính sách giá cả và sản xuất của các xí nghiệp. Nhà nước và giá cả. Thị trường và mức giá các yếu tố sản xuất.

- X.137 A,B *Chính trị học I, II* (1 Hp)
Thích Giác Đức, Ph. D. Đại Học Claremont,
California, Hoa Kỳ.

Bản chất của chính trị học. Cộng đồng chính trị : sự liên lạc giữa xã hội và quốc gia ; vấn đề dân chủ trong thế giới hiện đại ; ý thức

hệ hiện đại. Tự do và trật tự xã hội. Hiến pháp và chính phủ hiến định; các quyền tự do trong cộng đồng quốc gia. Dân chúng và chính trị: dư luận và nguyện vọng dân chúng; đảng phái và các nhóm áp lực. Các định chế công quyền: hành pháp, tư pháp, lập pháp, hành chánh. Chính trị quốc tế: quốc gia và luật quốc tế; các yếu tố của chính trị quốc tế; tổ chức quốc tế và vấn đề hòa bình.

X.138 A,B *Xã hội học I, II* (4 Hp)

Lâm Ngọc Huỳnh, Tiến sĩ Xã Hội Học, Đại Học Sorbonne, Pháp; Trần Văn Đĩnh, Cao Học, Đại Học Luật Khoa Hà Nội, Giáo sư thực thụ, Học Viện Quốc Gia Hành Chánh.

Đại cương về xã hội học. Đối tượng căn bản của xã hội học. Con người trong xã hội và xã hội trong bản tính con người. Địa vị của cá nhân trong xã hội. Tập thể và tổ chức xã hội. Quá trình tương quan xã hội và xã hội hóa. Văn hóa và xã hội. Quá trình biến chuyển xã hội.

X.138 *Toán học I* (3 Hp)

Các ý niệm toán căn bản. Đại cương về lý thuyết tập hợp. Phương trình và bất phương trình. Hệ thống phương trình. Hàm số với

một biến số. Đạo hàm và vi phân. Hàm số Logarith và hàm số mũ. Tích phân. Cấp số.

X.139 *Diễn tiến phát triển xã hội I, II* (4 Hp)

Trần Như Tráng, Ph.D. (Chính trị Học) ĐH. Pittsburgh, Hoa Kỳ; Trần Anh Tuấn, Ph.D. (Hành chánh công quyền) ĐH, Syracuse, Hoa Kỳ.

Khái niệm tổng quát về các quốc gia đang phát triển. Phát triển kinh tế và phát triển chính trị trong khuôn khổ phát triển quốc gia. Thực trạng các quốc gia đang phát triển. Các quốc gia đang phát triển và cộng đồng sinh hoạt quốc tế.

X.140 *Hiến pháp đối chiếu và tổ chức chính trị hành chánh Việt Nam* (3 Hp)

Vũ Quốc Thông, Thạc sĩ Công Pháp, ĐH. Luật Khoa Paris, Pháp Quốc.

Đại cương về luật hiến pháp đối chiếu. Khái niệm quốc gia: đặc tính và nhiệm vụ. Luật pháp áp dụng đối với các cơ cấu quốc gia. Các vấn đề liên quan đến hiến pháp. Tổ chức chính quyền. Chính thể và cơ quan công quyền. Tổ chức chính quyền Việt Nam Cộng Hòa sau 1954. Hiến pháp đệ I và đệ II Cộng Hòa. Tổ chức chính quyền hiện tại.

X.141 *Khoa học quản trị* (3 Hp)
Trần Lương Ngọc, M.S. ĐH Melbourne, Úc
Đại Lợi.

Đại cương về Khoa học quản trị. Vai trò của
quản trị gia. Các nhiệm vụ quản trị: thiết
kế, tổ chức, nhân viên, hướng dẫn, phối hợp,
kiểm soát và ngân sách.

NĂM THỨ HAI

Đệ nhất Bán niên

Môn học	Học phần	Giáo Sư
Sinh Ngữ cấp 3	3	
Con Người và Xã Hội	2	TT.Thích Minh Châu, Ph.D
Văn Hóa và Xã Hội V.N	3	Trần Ngọc Ninh, Thạc Sĩ
Thống Kê và Xác Xuất I	2	Trần Chung Ngọc, Ph. D. Trần Văn Tươi, Kỹ Sư M.P.W.
Lịch Sử Kinh Tế	3	Bùi Tường Huân, Tiến Sĩ
Kế Toán Căn Bản I	2	Phan Hữu Tật, Giám Đốc Trường Quốc Gia Thương Mại.
Pháp Chế Thương Mại	2	Lê Văn Thận, Giáo Sư thực thụ HVQGHC.

Cộng 17

Đệ nhị Bán niên

Môn học	Học phần	Giáo Sư
Sinh Ngữ Cấp 4	3	
Những quyền tự do căn bản	2	Trần Đại Khâm, Thâm phán, Dự thẩm Niên Trưởng.
Phương Pháp Khoa Học Xã Hội	3	Tạ Văn Tài, Ph. D.
Kinh Tế Việt Nam	2	Nguyễn Văn Ngón, Tiến Sĩ.
Thống Kê và Xác Xuất II	2	Trần Chung Ngọc, Ph. D. Trần Văn Tươi, Kỹ Sư M.P.W.
Kế Toán Căn Bản II	2	Phan Hữu Tật, Giám Đốc Trường Quốc Gia Thương Mại.
Thông tin doanh thương	2	Lê Thái Ất, Giảng viên Học Viện Quốc Gia Hành Chánh.

Cộng 16

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

X.201	<i>Sinh ngữ Anh văn 3</i>	(3 Hp)
X.202	<i>Sinh ngữ Anh văn 4</i>	(3 Hp)

- X.210 *Sinh ngữ Pháp văn 3* (3 Hp)
X.211 *Sinh ngữ Pháp văn 4* (3 Hp)
X.231 *Con người và Xã Hội* (3 Hp)
T.T. Thích Minh Châu, Ph. D.
Đại Học Nalanda, Ấn Độ.
Một môn học tìm hiểu con người toàn diện, một con người gồm cả thân thể, tình cảm, tánh tình, trí thức và trí tuệ hay tâm linh con người, nắm thành phần này liên hệ mật thiết với nhau, ảnh hưởng liên đới với nhau. Tìm hiểu con người toàn diện để giáo dục toàn diện con người sinh viên, một đường hướng giáo dục nhằm phát triển một cách thăng bằng, trọn vẹn điều hòa cả năm thành phần tác thành một con người. Môn học này cũng đề cập đến sự liên hệ của con người tức là sinh viên khi tự mình đối diện với chính mình, đối diện với gia đình, đối diện với học đường, đối diện với xã hội, đối diện với quốc gia, đối diện với quốc tế; và giúp đỡ sinh viên xử sự như thế nào, vừa giữ được giá trị một con người toàn diện, vừa đóng góp được vào sự lớn mạnh và tốt đẹp của xã hội.
- X.232 *Văn Hóa và Xã Hội Việt Nam* (2 Hp)
Trần Ngọc Ninh, Thạc Sĩ Y Khoa, Đại Học Paris, Pháp.

- Về phương diện vật thể, khảo sát sơ lược về nhân chủng (anthropologie), khảo cổ (archéologie), dân tộc (ethnologie) Việt Nam, sinh hoạt kinh tế, cơ cấu xã hội (chế độ gia đình và xã thôn).
- Về phương diện tinh thần, khảo sát sơ lược về tập tục, tín ngưỡng, văn học, nghệ thuật, tư tưởng, và thể chế chính trị.
- X.236 A,B *Thống kê và xác suất* (1 Hp)
Trần Chung Ngọc, Ph.D. (Vật Lý Học) ĐH. Wisconsin, Hoa Kỳ; Trần Văn Tươi, Kỹ sư M.P.W. ĐH Pittsburgh, Hoa Kỳ.
- Trình bày môn thống kê dưới cả hai khía cạnh mô tả và suy diễn: phân phối tần số thực nghiệm, phân phối số đo mô tả, xác suất dân số mẫu và phân phối lý thuyết, suy lý thống kê, kỹ thuật dùng hai mẫu và so sánh từng cặp, phép thử gần đúng, hồi quy và tương quan, và phân tích phương sai. Giảng văn bao gồm những thí dụ cụ thể trong đời sống kinh tế và xã hội để sinh viên có thể áp dụng trong các việc kinh doanh và công vụ.
- X.237 *Lịch sử kinh tế* (2 Hp)
Bùi Tường Huân, Tiến sĩ Kinh tế Học, ĐH. Luật Khoa Paris, Pháp.

Lịch sử tiến triển của nhân loại dưới khía cạnh kinh tế. Đặc biệt nhấn mạnh từ giai đoạn cách mạng kỹ nghệ.

X.238 A,B *Kế toán căn bản* (4 Hp)

Phan Hữu Tật, tốt nghiệp Cao Đẳng Thương Mại, ĐH. Montpellier, Pháp; Giám đốc Trường Quốc Gia Thương Mại Saigon.

Khái niệm tổng quát về Kế Toán Học: Thực thể Kế toán, sự chú trọng đến tiền tệ, chu kỳ kế toán. Kế toán lưỡng thức và chu kỳ kế toán. Phương trình kế toán lưỡng thức và đối chiếu biểu. Lợi tức, chi phí và bảng tường kê lợi tức. Những phương thức kế toán căn bản: trương mục, sổ cái, định luật tá thái, sổ nhật ký, kết sổ-trương mục, bảng cân số. Kết toán các trương mục. Trương mục lời lỗ. Bất toán điều chỉnh chi phí trả trước, lợi tức chưa thu chi phí chưa trả, lợi tức thu trước, chiết cưu. Kế toán áp dụng cho các trương mục chính và các hình thức xí nghiệp.

V.239 *Pháp chế thương mại* (2 Hp)

Lê Văn Thận, Cao Học Công Pháp Đại Học Hà Nội, Giáo sư thực thụ Quốc Gia Hành Chánh.

Tổng quát về các luật lệ thương mại hiện hành. Chế độ vật giá, việc kiểm soát và phân phối hàng hóa, vấn đề lúa gạo. Việc trừng trị mạo hóa, việc tổ tụng kiểm soát kinh tế, kiểm soát ngoại thương nhập cảng có ngoại tệ, chế độ song hành, chế độ trợ cấp xuất cảng. Luật Quan thuế và luật Truớc bạ cũng được nghiên cứu cặn kẽ.

X.240 *Những quyền Tự do căn bản* (2 Hp)

Trần Đại Khâm, Dự Thâm Niên Trưởng Tòa Sơ Thâm Saigon.

Căn bản lý thuyết về các quyền tự do công cộng. Phân tách các quyền tự do công cộng. Diễn trình tiến triển của các quyền tự do tại một số Quốc gia Dân Chủ Tây Phương, và một số Quốc gia tân lập.

X.241 *Phương pháp các Khoa học Xã hội* (3 Hp)

Tạ Văn Tài, Ph.D. (Chính trị học) ĐH Virginia, Giáo sư thực thụ của Trường Quốc Gia Hành Chánh.

Diễn tiến khảo cứu, những kỹ thuật và các công tác khác nhau được sử dụng để thu thập và phân tích các dữ kiện xã hội. Chọn đề tài, lập kế hoạch, sưu tầm dữ kiện, vấn đề chọn mẫu, kỹ thuật quan sát, lập bảng lục vấn và phỏng vấn. Trắc nghiệm và đo lường công luận

- X.242 *Kinh tế học* (2 Hp)
Nguyễn Văn Ngón, Tiến sĩ Kinh Tế Học. Giáo
sư Đại Học Luật Khoa Saigon.

Những vấn đề Kinh tế Việt Nam hiện đại :
Sân xuất, tiêu thụ, pháp chế xã hội, tiền tệ.
Những vấn đề kinh tế hậu chiến và công cuộc
phát triển.

- X.243 *Thông tin doanh thương* (2 Hp)
Lê Thái Ất, Cao Học Công Pháp. Giảng viên
Học Viện Quốc Gia Hành Chánh.

Vai trò của thông tin doanh thương trong
một tổ chức thương mại. Đặc tính của thông
tin doanh thương đối chiếu với thư tín tư
nhân và công văn các cơ quan công quyền.
Phương pháp soạn thảo các văn kiện doanh
thương, kỹ thuật hành văn về các loại thư
tín như : điện tín, băng tóm lược, phúc trình,
báo cáo, biên bản, cáo tri, thông tri, chứng
thư, biên nhận.

- X.244 *Pháp chế thực dụng* (2 Hp)
Nguyễn Khắc Nhân, Giáo sư thực thụ, Học
Viện Quốc Gia Hành Chánh.

Bình diện thực dụng của các vấn đề : (1) công

dân trước pháp luật — Quyền hành của quốc
gia và tự do công dân. (2) Quy chế bản thân
và gia đình : Năng lực pháp lý, hộ tịch, cư
sở, quốc tịch, hôn thú, tử hệ. (3) Sự phát
sinh các nghĩa vụ và quyền lợi, trách nhiệm
dân sự và hình sự, sự chế tài trước cơ quan
tư pháp.

NĂM THỨ BA BAN KINH TẾ HỌC

Đệ nhất Bán Niên

Môn Học	Học phần	Giáo sư
Sinh Ngữ Cấp 5	3	
Tiền Tệ và Ngân Hàng I	2	Mai Xuân Trinh, Phó Giám Đốc Tín Dụng VNNTT
Quản Trị Tài Chính	3	Đỗ Đăng Quang, Phó Giám đốc Chartered Bank
Kế Toán Thương Mại I	2	Phan Hữu Tật, Giám Đốc Trường QG Thương Mại
Kinh Tế Quốc Tế	2	Nguyễn Ngọc Văn, Tiến sĩ
Kinh Tế Đại Tượng	3	Cao Văn Hở, Ph.D.
Phát Triển Kinh Tế	3	Trần Văn Kiện, Giáo sư Học Viện QG Hành Chánh
Cộng	18	

Đệ nhị Bán Niên

Môn Học	Học phần	Giáo sư
Sinh Ngữ Cấp 6	3	
Tiền Tệ và Ngân Hàng II	2	Mai Xuân Trinh

Kế Toán Thương Mại II	2	Phan Hữu Tật
Kinh Tế Doanh Nghiệp	3	Phạm Huy Trác, MBA.
Kinh Tế Áp Dụng (Kỹ thuật thương mại, xuất nhập cảng, thị trường chứng khoán, bảo hiểm)	3	Vũ Tài Mạnh, MA.
Địa Lý Kinh Tế	3	Lâm Thanh Liêm, Tiến sĩ
Các Hệ thống Kinh Tế	2	Bùi Tường Huân, Tiến sĩ
Đối Chiếu		

Cộng 16

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

X.301	Sinh ngữ Anh văn 5	(3 Hp)
X.302	Sinh ngữ Anh văn 6	(3 Hp)
X.310	Sinh ngữ Pháp văn 5	(3 Hp)
X.311	Sinh ngữ Pháp văn 6	(3 Hp)
X.351	Tiền tệ và Ngân hàng	(4 Hp)

Mai Xuân Trinh, Phó Giám Đốc Tín dụng, Việt Nam Thương Tín.

Hệ thống tiền tệ, tiền tệ và hoạt động kinh tế.
Hệ thống ngân hàng, nghiệp vụ ngân hàng.
Đặc biệt nhấn mạnh về các nghiệp vụ ngân
quĩ, chi phiếu, các tranh tụng về chi phiếu, kế
toán ngân quỹ. Các nghiệp vụ chuyển ngân.
Luật lệ hối đoái hiện hành. Đại cương về

ng nghiệp vụ tín dụng, rủi ro về tín dụng, các
hình thức tín dụng hiện hành tại Việt Nam.

X.352 *Quản trị Tài chính* (3 Hp)

Đỗ Đăng Quang, Phó Giám Đốc The Chartered
Bank, Saigon.

Đề cập đến cách thu thập và trình bày các dữ
kiện kế toán cho những mục đích quản trị.
Kỹ thuật thiết lập và kiểm soát ngân sách.
Cách chiết tính giá vốn các sản phẩm và các
quyết định đầu tư dài hạn.

X.353 *Kế toán Thương mại I, II* (4 Hp)

Phan Hữu Tật, Tốt nghiệp Cao Đẳng Thương
Mại, ĐH Montpellier, Pháp; Giám Đốc Trường
Quốc Gia Thương Mại SG.

Đề cập tỉ mỉ đến các nguyên tắc kế toán của
các hội buôn. Các quan niệm về xác định lợi
tức. Định giá tích và tiêu sản..., và kỹ thuật
phân tích các báo cáo tài chánh. Đặc biệt khảo
sát các công ty hợp danh, công ty hợp tư
thường, công ty trách nhiệm hữu hạn, công
ty nặc danh. Cũng đề cập tới việc giải tán và
thanh toán một công ty, và sự sát nhập hai
hay nhiều công ty thành một.

XK.354 *Kinh tế Quốc tế* (3 Hp)

Nguyễn Ngọc Văn, Tiến sĩ Kinh tế học ĐH
Luật Khoa Saigon.

Sự tiến triển của nền giao thương quốc tế từ thế kỷ 19 đến nay. Lý thuyết và chính sách mậu dịch quốc tế. Chi phí và hối đoái. Dịch động tư bản. Tổ chức quốc tế về mậu dịch từ năm 1945 đến nay.

- XW.355 *Kinh tế Đại tượng* (3 Hp)
Cao Văn Hở, Ph.D (Kinh tế học) ĐH. Georgetown, Washington D.C., Hoa Kỳ.

Khái niệm tổng quát về kế toán quốc gia. Cách đo lường lợi tức quốc gia. Các mô thức kinh tế đại tượng : sản xuất và tiêu thụ, tiền tệ. Các hệ thống tài chánh. Các mô hình kinh tế đại tượng về mậu dịch quốc tế. Các trào lưu và sự phát triển kinh tế.

- XK.356 *Phát triển Kinh tế* (3 Hp)
Trần Văn Kiện, Giáo sư thực thụ Học Viện Quốc Gia Hành Chánh ; Cựu Tổng Trưởng Tài Chánh.

Các lý thuyết về phát triển kinh tế : cổ điển, Marx, tân cổ điển, Schumpeter, hậu — Keynes. Những yếu tố căn bản của công cuộc phát triển kinh tế. Những mô thức phát triển kinh tế của các quốc gia mới thâu hồi độc lập.

- X.357 *Kinh tế Doanh nghiệp* (3 Hp)
Phạm Huy Trác, MBA, ĐH. Canterbury, Tân Tây Lan.

Mục tiêu và quyết định kinh doanh. Doanh lợi và phí tổn. Số cầu và giá cả. Tiền liệu kinh doanh. Phân tách đầu tư và ngân sách, tư bản. Vấn đề xử dụng nhân lực. Địa điểm xí nghiệp. Chính sách công quyền đối với doanh nghiệp và các vấn đề kinh tế kỹ nghệ. Chính sách giá cả và cạnh tranh. Vấn đề bành trướng xí nghiệp. Nghiên cứu và thẩm định các dự án đầu tư kỹ nghệ.

- X.358 *Kinh tế Áp dụng* (Kỹ thuật thương mại, xuất nhập cảng, thị trường chứng khoán, bảo hiểm) (3 HP)
Vũ Tài Mậu, M.A (Kinh tế học), ĐH. Michigan, Hoa Kỳ.

Đại cương về nghiệp vụ ngoại thương, tầm quan trọng của nghiệp vụ ngoại thương. Các loại tín dụng thơ. Nghiệp vụ chiết khấu hối phiếu khoán. Tái hóa đơn, các loại tái hóa đơn. Đại cương về bảo hiểm. Bảo hiểm chuyên chở.

- XK.360 *Địa lý Kinh tế* (3 Hp)
Lâm Thanh Liêm, Tiến sĩ Địa lý học ĐH Paris, Pháp.

Các nguồn năng lượng thế giới. Địa lý giao thương kinh tế : các kinh đảo liên đại dương, các đội thương thuyền thế giới, các hải cảng

quan trọng. Địa lý kỹ nghệ thế giới : nền tảng căn bản của kỹ nghệ và các miền kỹ nghệ quan trọng — Âu châu, Bắc Mỹ Châu, khối xã hội chủ nghĩa, thế giới thứ ba.

X.361

Các Hệ thống Kinh tế (2 HP)
Bùi Tường Huân, Tiến sĩ Kinh tế học ĐH Luật Khoa Paris, Pháp.

So sánh các hệ thống kinh tế tư bản, tập thể và các hệ thống kinh tế tại các nước đang phát triển.

Giải thích các hệ thống kinh tế trong các quốc gia tư bản, cộng sản, và các quốc gia kém mở mang.

NĂM THỨ BA BAN THƯƠNG MẠI

Đệ nhất Bản Niên

Môn học	Học phần	Giáo sư
Sinh Ngữ Cấp 5	3	
Tiền Tệ và Ngân Hàng I	2	Mai Xuân Trinh, Phó Giám Đốc Tín Dụng, VNTT
Quản Trị Tài Chánh	3	Đỗ Đăng Quang, Phó Giám Đốc Chartered Bank, Saigon
Kế Toán Thương Mại I	2	Phan Hữu Tật, Giám Đốc Trường QGTM Saigon
Quản Trị Nhân Viên	2	Vũ Trọng Cảnh, M.A
Luật Thương Mại	3	Vũ Tam Tư, Tiến sĩ
Toán Pháp Tài Chánh	3	Mạch Tử Hải, Cao Học
Cộng	18	

Đệ nhị Bản niên

Môn học	Học phần	Giáo sư
Sinh Ngữ Cấp 6	3	
Tiền Tệ và Ngân Hàng II	2	Mai Xuân Trinh, Phó Giám đốc Tín dụng VNTT.

Kế Toán Thương Mại II	2	Phan Hữu Tật, Giám Đốc Trường QGTM Saigon.
Kinh Tế Doanh Nghiệp	3	Phạm Huy Trác, M.B.A.
Kinh Tế Áp Dụng (Kỹ thuật thương mại, xuất nhập cảng, thị trường chứng khoán, bảo hiểm)	3	Vũ Tài Mạnh, M.A.
Luật Lao Động và các Vấn Đề Nghiệp Đoàn	3	Nguyễn Quang Quýnh, Tiến sĩ.
Các Hệ Thống Kinh Tế Đối Chiếu	2	Bùi Tường Huân, Tiến sĩ
Cộng	18	

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC III/TM

X.301	Sinh ngữ Anh văn	5	(3 Hp)
X.302	Sinh ngữ Anh văn	6	(3 Hp)
X.310	Sinh ngữ Pháp văn	5	(3 Hp)
X.311	Sinh ngữ Pháp văn	6	(3 Hp)
X.351 AB	Tiền tệ và Ngân hàng I, II		(4 Hp)
	Mai Xuân Trinh, Phó Giám Đốc Tín Dụng Việt Nam Thương Tín.		
	Hệ thống tiền tệ, tiền tệ và hoạt động kinh tế.		
	Hệ thống ngân hàng, nghiệp vụ ngân hàng.		

Đặc biệt nhấn mạnh các nghiệp vụ ngân quỹ, chi phiếu, các tranh tụng về chi phiếu, kế toán về ngân quỹ. Các nghiệp vụ chuyển ngân, luật lệ hối đoái hiện hành. Đại cương về nghiệp vụ tín dụng, rủi ro về tín dụng, các hình thức tín dụng hiện đại tại Việt Nam.

X.352 *Quản trị Tài chính* (3 Hp)
Đỗ Đăng Quang, Phó Giám Đốc Chartered Bank, Saigon.

Đề cập đến cách thu thập và trình bày các dữ kiện kế toán cho những mục đích quản trị. Kỹ thuật thiết lập và kiểm soát ngân sách, cách chiết tính giá vốn các sản phẩm, và các quyết định đầu tư dài hạn.

X.353 *Kế toán Thương mại* (4 Hp)
Phan Hữu Tật, Giám Đốc Trường Quốc Gia Thương Mại Saigon.

Đề cập tỉ mỉ đến các nguyên tắc kế toán của các hội buôn, các quan niệm về xác định lợi tức. Định giá tích và tiêu sản..., và kỹ thuật phân tích các báo cáo tài chánh. Đặc biệt khảo sát các công ty hợp danh, công ty hợp tư thường, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty nặc danh. Cũng đề cập tới việc giải tán và thanh toán một công ty, và sự sát nhập hai hay nhiều công ty thành một.

- XT.354 *Quản trị Nhân viên* (2 Hp)
Vũ Trọng Cảnh, M.A. Đại Học Pittsburgh, Hoa Kỳ, Viện Trưởng Viện Tu Nghiệp Quốc Gia.
Lý thuyết về quản trị nhân viên. Các phương thức quản trị nhân viên để tăng hiệu năng cho công sở và xí nghiệp. Những khiếm khuyết cần bản trong vấn đề quản trị nhân viên tại các công và tư sở ở Việt Nam.
- XT.355 *Luật thương mại* (3 Hp)
Vũ Tam Tư, Tiến sĩ, Giáo sư Trường Đại Học Luật Khoa Saigon.
Những hành vi thương mại. Thương gia thể nhân và sự hành nghề thương mại. Những nhiệm vụ nghề nghiệp của nhà buôn. Cửa hàng thương mại. Những kế ước thương mại chính.
- XT.356 *Toán pháp Tài chánh* (3 Hp)
Mạch Tứ Hải, Cao Học Kinh Tế I và II, Đại Học Luật Khoa Saigon.
Ôn lại chương trình toán đại cương : hệ thống và hợp số ; tỉ số và tỉ lệ, lũy thừa và căn số các số cộng và nhân Logarit thập phân ; các phép tính nhanh và gần đúng ; cách xử dụng các bảng tính số : đề biểu và đồ thị. Toán thương mại : bách phân, tăng và giảm giá ;

- mức lời ; tính thuế. Lãi đơn, chiết khấu thương mại, lãi kép, niên khoản ; trái khoản bất phân.
- X.357 *Kinh tế Doanh nghiệp* (3 Hp)
Phạm Huy Trác, M.B.A, Đại Học Canterbury Christchurch Tân Tây Lan.
Mục tiêu và quyết định kinh doanh. Doanh lợi và phí tổn. Số cầu và giá cả. Tiền liệu kinh doanh. Phân tách đầu tư và ngân sách tư bản. Vấn đề xử dụng nhân lực. Địa điểm xí nghiệp. Chính sách công quyền đối với doanh nghiệp và các vấn đề kinh tế kỹ nghệ. Chính sách giá cả và cạnh tranh. Vấn đề hành trưởng xí nghiệp. Nghiên cứu và thẩm định các dự án đầu tư kỹ nghệ.
- X.358 *Kinh tế Áp dụng* (3 Hp)
Vũ Tài Mạnh, M.A (Kinh Tế) Đại Học Michigan, Hoa kỳ.
Đại cương về nghiệp vụ ngoại thương, tầm quan trọng của nghiệp vụ ngoại thương. Các loại tín dụng thơ. Nghiệp vụ chiết khấu hối phiếu khoản. Tài hóa đơn, các loại tài hóa đơn. Đại cương về bảo hiểm. Bảo hiểm chuyên chở.

- X.359 *Luật Lao động và các vấn đề*
Nghiep đoàn (3 Hp)
Nguyễn Quang Quýnh, Tiến Sĩ Luật Khoa Đại
Học Paris, Pháp

Khái niệm căn bản về Luật Lao Động. Nhấn
mạnh về Luật Lao Động Việt Nam, đặc biệt
đề cập tới các tranh chấp cộng đồng và những
khó khăn của các xí nghiệp và nghiệp đoàn
công nhân hiện thời.

- X.361 *Các hệ thống Kinh tế đối chiếu* (2 Hp)
Bùi Tường Huân, Tiến Sĩ Kinh Tế Học, Đại
Học Luật Khoa Paris.

So sánh các hệ thống kinh tế tư bản, tập thể
và các hệ thống kinh tế tại các nước đang
phát triển.

Giải thích các hệ thống kinh tế trong các quốc
gia tư bản, cộng sản và các quốc gia kém mở
mang.

NĂM THỨ BA BAN CHÍNH TRỊ HỌC

Đệ nhất Bán niên

Môn học	Học phần	Giáo sư
Sinh Ngữ Cấp 5	3	
Phương Pháp các Khoa		
Học Xã Hội Thâm Cứu	3	Lê Quang Trung, Tiến sĩ
Lịch Sử Định Chế Chính		
Trị, Xã Hội Việt Nam	3	Lê Kim Ngân, Tiến sĩ
Bang Giao Quốc Tế I	2	Thích Giác Đức, Ph.D.
Các Chế Độ Chính Trị		
Hiện Đại	3	Nguyễn Văn Canh, Tiến sĩ
Xã Hội Học Chính Trị	2	Vũ Trọng Phan, M.A.
Quảng Cáo và Giao Tế		
Quần Chúng I	2	
Cộng 18		

Đệ nhị Bán niên

Môn học	Học phần	Giáo sư
Sinh Ngữ Cấp 6	3	

Lịch Sử Chính Trị A Châu	3	Hoàng Ngọc Thành, Ph. D.
Chánh Đảng và Đoàn Thể		
Áp Lực	2	Trần Thị Hoài Trân, Tiến sĩ
Bang Giao Quốc Tế II	2	Thích Giác Đức, Ph. D.
Học Thuyết Chính Trị	3	Trần Ngọc Xuân, Tiến sĩ
Các Hệ Thống Kinh Tế		
Đối Chiếu	2	Bùi Tường Huân, Tiến sĩ
Triết Lý Chính Trị	2	Nguyễn Ngọc Thủy, Học giả
Quảng Cáo và Giao Tế		
Quần Chúng II	2	

Cộng 19

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

X.301	Sinh ngữ Anh văn 5	(3 Hp)
X.302	Sinh ngữ Anh văn 6	(3 Hp)
X.310	Sinh ngữ Pháp văn 5	(3 Hp)
X.311	Sinh ngữ Pháp văn 6	(3 Hp)
X.371	Phương pháp các Khoa học Xã hội Thăm cứu	(3 Hp)
	Lê Quang Trung. Tiến sĩ Xã Hội Học ĐH. Pontpellier, Pháp.	

Các quá trình và kỹ thuật điều tra và phỏng vấn. Các hình thức phân tích tài liệu phỏng vấn. Kỹ thuật tường trình tài liệu phỏng vấn. Các phương pháp cơ cấu, cơ năng, hệ thống cũng như toán học được trình bày tỉ mỉ để giúp sinh viên có thể áp dụng những đường lối khác nhau trong vấn đề khảo sát các hiện tượng xã hội.

X.372 *Lịch sử Định chế Chính trị Xã hội Việt Nam* (3 Hp)

Lê Kim Ngân, Tiến sĩ Luật Khoa, Cao Học Sử, ĐH Saigon.

Trình bày diễn tiến của xã hội Việt Nam từ thời Hùng Vương tới thời Pháp thuộc và hiện đại. Sự biến chuyển từ xã hội bộ lạc, qua xã hội Lạc Việt, Xã Hội Phật Giáo Đại Việt, Xã hội Nho giáo Đại Việt, xã hội Nho giáo kết tập, xã hội phân hóa Đại Việt, xã hội Nho giáo suy tàn đến xã hội Âu hóa Việt Nam.

XC.273A.B *Bang giao Quốc tế I, II* (4 Hp)

Thích Giác Đức, Ph.D. (Chính trị học) Đại Học Claremont, Hoa Kỳ.

Lý thuyết và phương pháp bang giao quốc tế. Quốc gia và diễn tiến phát triển chủ nghĩa quốc gia trong chính trị quốc tế. Những mô

thức chính trị quốc tế điển hình : vùng Á châu, Đông Âu, Nga Sô và Tây Âu, Hoa Kỳ... Sự hình thành và điều hành các tổ chức quốc tế.

- XC.374** *Các Chế độ Chính trị hiện đại* (3 Hp)
Nguyễn Văn Canh, Tiến sĩ Luật Khoa, Đại Học Saigon.

Khảo sát các chế độ chính trị dân chủ Tây phương và các chế độ độc tài cũng như một số chế độ chính trị điển hình của các quốc gia đang phát triển.

- X.375** *Xã hội Chính trị* (2 Hp)
Vũ Trọng Phan, M.A. (Xã hội học) ĐH. Texas, Hoa Kỳ

Phân tích những thái độ và hoạt động về chính trị. Khuyến hướng thiên về một đảng phái và tham gia một đảng phái. Phát triển đảng phái và cạnh tranh phát triển đảng phái chính trị ở các nước dân chủ. Quan sát sự thành hình và phát triển đảng phái chính trị ở V.N.

- XC.376 A,B** *Quảng cáo và Giao tế Quần chúng I, II*
Lê Thái Bằng

Sự quan trọng của quảng cáo và giao tế quần chúng trong xã hội hiện đại. Nhu cầu quảng cáo và giao tế trong lãnh vực công và tư.

Những phương thức quảng cáo và giao tế. Những kỹ thuật và tổ chức quảng cáo trong lãnh vực kinh tế tài chánh; nhấn mạnh về những điểm đặc biệt trong vấn đề quảng cáo và giao tế tại Việt Nam. Phần II của chương trình đề cập tới những kỹ thuật tuyên truyền chính trị

- XC.377** *Lịch sử Chính trị Á châu* (3 Hp)
Hoàng Ngọc Thành, Ph.D. (Sử học) ĐH. Hawaii, Hoa Kỳ.

Nhấn mạnh tới lịch sử chính trị Á châu từ sau đệ Nhất Thế chiến tới nay. Các phong trào quốc gia của Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản và các quốc gia khác ở Đông Nam Á. Ảnh hưởng của các cường quốc vào tình hình chính trị Á châu cũng được đặc biệt chú trọng.

- XC.378** *Chính đảng và Đoàn thể Áp lực* (2 Hp)
Trần Thị Hoài Trân, Tiến sĩ Chính trị Học ĐH. Paris, Pháp.

Khảo sát chính đảng và đoàn thể áp lực dưới các khía cạnh chính trị và xã hội học. So sánh hệ thống đảng phái và các đoàn thể áp lực của một số quốc gia điển hình. Những khó khăn căn bản của việc xây dựng một hệ thống đảng phái hữu hiệu tại các quốc gia tân lập.

XC.379. Triết lý Chính trị (2 Hp)

Nguyễn Ngọc Thúy, Học giả, chuyên viên Hội Đồng Sắc Tộc.

Tầm mức của vấn đề — Ý nghĩa của danh từ — Quan điểm chính trị về đạo đức—Quan điểm triết lý về xã hội : cơ cấu xã hội, tương quan giữa cá nhân và xã hội. Quan điểm triết lý về quốc gia, xét theo hình thức và xét theo định chế—Những vấn đề của quốc gia cận đại.

XC.380. Học thuyết Chính trị (3 Hp)

Trần Ngọc Xuân, Tiến sĩ Luật Khoa, ĐH. Saigon
Sơ lược những học thuyết chính trị chính trước cuộc cách mạng chống lại các chế độ quân chủ chuyên chế tại Anh và Pháp. Đặc biệt khai triển những học thuyết dân chủ, xã hội và cộng sản trong thời cận đại.

X.361. Các Hệ thống Kinh tế đối chiếu (2 Hp)

Bùi Tường Huân, Tiến sĩ Kinh tế học ĐH. Paris, Pháp.

So sánh các hệ thống kinh tế tư bản, tập thể và các hệ thống kinh tế các nước đang phát triển.

Giải thích các hệ thống kinh tế trong các quốc gia tư bản, cộng sản và các quốc gia kém mở mang.

NĂM THỨ BA BAN XÃ HỘI HỌC

Đệ nhất Bán niên

Môn học	Học phần	Giáo sư
Sinh Ngữ Cấp 5	3	
Phương Pháp các Khoa		
Học Xã Hội Thâm Cứu	3	Lê Quang Trung, Tiến sĩ
Lịch Sử Định Chế Chính		
Trị, Xã Hội Việt Nam	3	Lê Kim Ngân, Tiến sĩ
Lý Thuyết Xã Hội Học I	2	Lâm Ngọc Huỳnh, Tiến sĩ
Xã Hội Học Chính Trị	3	Vũ Trọng Phan, MA.
Công Tác Xã Hội Đại Cương	3	Lê Đình Phước, MA.
Cộng 17		

Đệ nhị Bán niên

Môn học	Học phần	Giáo sư
Sinh Ngữ Cấp 6	3	
Tổ Chức Xã Hội Việt Nam		
Cổ Truyền	2	Nguyễn Hoạt, Học giả
Tâm Lý Xã Hội Học	2	Phạm Đình Thúc, Cao học

- Lý Thuyết Xã Hội Học II 2 Lê Văn Hòa, Ph. D.
 Luật Lao Động và các Vấn
 Đề Nghiệp Đoàn 3 Nguyễn Quang Quỳnh,
 Tiến sĩ
 Dân Số Học 2 Vũ Thị Mỹ, M.A.
 Phát Triển Cộng Đồng 3
 Cộng 17

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

- X.301 *Sinh ngữ Anh văn* 5 (3 Hp)
 X.302 *Sinh ngữ Anh văn* 6 (3 Hp)
 X.310 *Sinh ngữ Pháp văn* 5 (3 Hp)
 V.311 *Sinh ngữ Pháp văn* 6 (3 Hp)
 X.371 *Phương pháp các Khoa học Xã hội*
Thâm cứu (3 Hp)
 Lê Quang Trung, Tiến sĩ Xã Hội Học ĐH.
 Montpellier, Pháp.
 Các quá trình và kỹ thuật điều tra và phỏng
 vấn. Các hình thức phân tích tài liệu phỏng
 vấn. Kỹ thuật tường trình tài liệu phỏng vấn.
 Các phương pháp, cơ cấu, cơ năng, hệ thống
 cũng như toán học được trình bày tỉ mỉ để
 giúp sinh viên có thể áp dụng những đường
 lối khác nhau trong vấn đề khảo sát các
 hiện tượng xã hội.

- X.372 *Lịch sử định chế Chính trị Xã hội Việt Nam*
 (3 Hp)
 Lê Kim Ngân, Tiến sĩ Luật Khoa, Cao học Sử,
 ĐH. Saigon.
 Trình bày diễn tiến của xã hội Việt Nam từ
 thời Hùng Vương tới thời Pháp thuộc và hiện
 đại. Sự biến chuyển từ xã hội bộ lạc, qua xã
 hội Lạc Việt, xã hội Phật giáo Đại Việt, xã
 hội Nho giáo Đại Việt, xã hội Nho giáo kết
 tập, xã hội phân hóa Đại Việt, xã hội Nho giáo
 suy tàn đến xã hội Âu hóa Việt Nam.
 XX.373 AB *Lý thuyết Xã hội học I, II* (4 Hp)
 Lâm Ngọc Huỳnh, Tiến sĩ Xã hội học ĐH.
 Sorbonne, Pháp; Lê Văn Hòa, Ph. D. (Xã Hội
 Học) ĐH. Kentucky, Hoa Kỳ.
 Phân tích và so sánh các lý thuyết xã hội học
 đặc biệt chú trọng đến các lý thuyết nổi bật
 nhất trong xã hội học hiện đại. Thâu rút ra
 các mệnh đề lý thuyết chính để sinh viên có
 thể nương theo để tham khảo và minh chứng
 bằng tài liệu thiết thực được khám phá ở Âu
 Mỹ. Đặc biệt nhấn mạnh đến nỗ lực đã được
 áp dụng các mệnh đề lý thuyết xã hội học để
 nghiên cứu một vài vấn đề ở xã hội Việt Nam.
 XX.374 *Công tác Xã hội đại cương* (3 Hp)
 Lê Đình Phước, M.S. (Công tác xã hội) ĐH.
 Illinois, Hoa Kỳ.

- Ý niệm và vai trò của công tác xã hội. Phân biệt giữa môn học về công tác xã hội và xã hội học thuần túy. Kỹ thuật áp dụng trong công tác xã hội. Kiến thức tâm lý và các kỹ thuật tương giao giữa cán sự công tác xã hội và quần chúng cần thiết cho sự thi hành công tác xã hội.
- X.375 *Xã hội học Chính trị* (2 Hp)
Vũ Trọng Phan, M.A(Xã Hội Học) ĐH. Texas, Hoa Kỳ.
- Phân tích những thái độ và hoạt động về chính trị. Khuynh hướng thiên về một đảng phái, và tham gia một đảng phái. Phát triển đảng phái và cạnh tranh phát triển đảng phái chính trị ở các nước dân chủ. Quan sát sự thành hình và phát triển đảng phái chính trị ở Việt Nam.
- XX.376 *Tổ chức xã hội Việt Nam cổ truyền* (2 Hp)
Nguyễn Hoạt (Hiếu Chân), Học giả, chuyên trách các vấn đề văn hóa Việt Nam.
- Các hình thức sinh hoạt xã hội cổ truyền : văn hóa, tinh ngưỡng và sinh hoạt xã hội, kinh tế. Sự biến chuyển của xã hội Việt Nam qua các thời đại.
- XX.377 *Tâm lý xã hội học* (2 Hp)
Phạm Đình Thúc, Cao Học Xã Hội Học ĐH. Văn Khoa Saigon.

- Phân tích quá trình và tương quan giữa cá nhân và xã hội. Sự phát triển tâm lý cá nhân và tâm lý quần chúng.
- XX.378 *Phát triển cộng đồng* (3 Hp)
Ý niệm cộng đồng phát triển lý thuyết căn bản về phát triển cộng đồng. Kỹ thuật và các khó khăn trong việc phát triển cộng đồng. Tôn giáo, văn hóa, kinh tế và sinh hoạt của cá nhân và tổ chức trong cộng đồng.
- XX.379 *Dân số học* (2 Hp)
Vũ Thị Mỹ, M.S. (Dân Số Học) ĐH. North Carolina, Hoa Kỳ.
- Các lý thuyết về sự phát triển dân số học. Các phần liên hệ đến dân số học : nguồn lực lao động, con số sinh và tử, di dân, lập gia đình v.v... Đặc biệt nghiên cứu dân số Việt Nam.
- X.359 *Luật Lao động và các vấn đề Nghiệp đoàn* (3Hp)
Nguyễn Quang Quýnh, Tiến sĩ Luật Khoa, ĐH. Paris, Pháp.
- Khái niệm căn bản về Luật lao động. Nhấn mạnh về Luật lao động Việt Nam, đặc biệt đề cập tới các tranh chấp cộng đồng và những khó khăn của các xí nghiệp và nghiệp đoàn công nhân hiện thời.

NAM THỨ TƯ BAN KINH TẾ HỌC

Đệ nhất Bán niên

Môn học	Học phần	Giáo sư
Sinh Ngữ Cấp 7	3	
Thiết Lập và Thăm Định Dự Án	3	Hà Dương Dục, M.B.A. Đại Học California, HK
Tiếp Thị Học	3	Phan Hương, M.B.A.
Kế Toán Ngân Hàng	3	Nguyễn Hữu An, Nguyễn Văn Lễ, Phó Tổng Thanh Tra Ngân Hàng Q.G.V.N.
Kế Toán Quốc Gia	2	Bùi Thúc Qui Nhơn, M.A.
Phát Triển Nông Nghiệp Đối Chiếu	2	Nguyễn Minh Hải, MS.
Toán Học II	3	Lê Triệu Đầu, MS.
Cộng 19		

Đệ nhị Bán niên

Môn học	Học phần	Giáo sư
Sinh Ngữ Cấp 8	3	

Kinh Toán Học	3	Phan Tấn Chức, Tiến sĩ
Phát Triển Kỹ Nghệ Đối Chiếu	2	Cung Thúc Tiến, M.A.
Điện Toán Căn Bản	2	Trương Công Trứ, DES, Phó Giám Đốc Nha Điện Toán Ngân Hàng Q.G.V.N.
Khoa Học Tài Chánh Doanh Nghiệp và Doanh Nhân tại V.N (Hội thảo và thực tập)	3	Lê Công Truyền, Tiến sĩ
	4	Nguyễn Văn Ngón, Tiến sĩ Lâm Hồ, Phó Tổng Giám Đốc Ngân Hàng Phát Triển Kỹ Nghệ

Cộng 17

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

X.401	Sinh ngữ Anh văn 7	(3 Hp)
X.402	Sinh ngữ Anh văn 8	(3 Hp)
X.410	Sinh ngữ Pháp văn 7	(3 Hp)
X.411	Sinh ngữ Pháp văn 8	(3 Hp)
X.451	Thiết lập và Thăm định Dự án	(3 Hp)
	Hà Dương Dục, M.B.A, Đại Học California Hoa Kỳ.	

Sự quan trọng của việc thiết lập và thẩm định dự án trong các hoạt động kinh doanh. Các phương pháp căn bản về việc thiết lập những dự án. Những khó khăn của việc lập dự án kinh doanh tại Việt Nam.

- X.452 *Tiếp thị học* (3 Hp)
Phan Hương, MBA, ĐH. Syracuse, Hoa Kỳ.

Nghiên cứu thị trường, đo lường thị trường. Các chiến lược và chiến thuật tiếp thị. Diễn trình tiếp thị. Kế hoạch hóa sản phẩm, nghiên cứu giá cả, quảng cáo. Giới thiệu sản phẩm, phân phối.

- X.453 *Kế toán Ngân hàng* (3 Hp)
Nguyễn Hữu An, Nguyễn Văn Lễ, Phó Tổng Thanh Tra Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam.

Khái niệm về hệ thống tập trung : Trương mục cá nhân và trương mục tập thể. Sơ đồ điều động hệ thống tập trung. Khái niệm về kế toán ngân hàng thương mại : Các loại trương mục, chánh. Nghiệp vụ ngân quỹ. Nghiệp vụ tín dụng. Nghiệp vụ xuất nhập cảng. Nghiệp vụ hối đoái.

- XK.454 *Kế toán Quốc gia* (2 Hp)
Bùi Thúc Qui Nhơn, MA, (Kinh Tế Học).

Trình bày những khái niệm căn bản về kế toán.

quốc gia. Hệ thống kế toán quốc gia tại Việt Nam. Những vấn đề khó khăn trong việc ước tính tổng sản lượng quốc gia tại các quốc gia chậm tiến và tại Việt Nam,

- XK.455 *Phát triển Nông nghiệp Đối chiếu* (2 Hp)
Nguyễn Minh Hải, MA, (Kinh Tế), ĐH Michigan Hoa Kỳ.

Vai trò của nông nghiệp trong phát triển kinh tế. Những chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp đối chiếu. Những bài học có thể rút ra cho việc phát triển kinh tế nông nghiệp Việt Nam.

- XK.456 *Toán học II* (3 Hp)
Lê Triệu Đầu, MS (Kỹ Thuật) ĐH. Illinois, Hoa Kỳ.

Bổ túc về toán học để các sinh viên có thể ứng dụng trong lãnh vực Kinh tế và Thương mại. Chú trọng đặc biệt đến các mô thức toán và các bài toán quân bình và tối hảo trong các mô thức này : — Hàm số với nhiều biến số — Vi phân và vi phân toàn phần — Cực đại và cực tiểu, ứng dụng — Tích phân, ứng dụng — Phương trình vi phân và các mô thức động trong Kinh tế — Phương trận, các phép tính căn bản — Đại cương về chương định bậc nhất Phương pháp Simplex.

- XK.457 *Kinh toán học* (3 Hp)
Phan Tấn Chức, Tiến Sĩ Kinh Tế Học, ĐH.
Luật Khoa Paris, Pháp.
- Ứng dụng các phương trình toán học trong việc thiết lập các hệ thức kinh tế. Ôn tập về thống kê và xác suất. Các mô thức bậc nhất. ý niệm về các mô thức khác. Phương thức ấn định, phỏng định, tiên đoán và kiểm chứng các mô thức kinh tế.
- XK.458 *Phát triển kỹ nghệ đối chiếu* (2 Hp)
Cung Thúc Tiến, Tiến sĩ Kinh Tế Học, ĐH.
Cambridge, Anh.
- Các mô thức phát triển kỹ nghệ của các nước Tây Âu và Hoa Kỳ, Nhật Bản và một số các nước Cộng Sản. Những đường lối khác nhau trong vấn đề phát triển kỹ nghệ tại các quốc gia tân lập.
- X.459 *Điện toán căn bản* (2 Hp)
Trương Công Trứ, DES. (Kinh Toán Học) ĐH
Bordeaux, Pháp. Phó Giám Đốc Nha Điện
Toán, Ngân Hàng QG. Việt Nam.
- Kỹ thuật phân tích điện toán nhập môn: phân tích dữ kiện bằng phương tiện kỹ thuật tân tiến và bằng kỹ thuật cổ điển. Hệ thống phân loại dữ kiện: thu thập dữ kiện trên các

- phiếu điện toán, các phương tiện thu thập khác. Phân tích dữ kiện, kiểm soát dữ kiện. Đại cương về các hệ thống điện cơ: tàng trữ và phân tích dữ kiện. Phương pháp giải quyết vấn đề bằng máy điện cơ. Thảo chương bằng các ngôn ngữ chuyên biệt. Điện cơ và quản trị xí nghiệp. Viễn tượng tương lai của điện toán.
- X.460 *Khoa học Tài chính* (3 Hp)
Lê Công Truyền, Tiến sĩ Luật Khoa, ĐH Saigon
Những khái niệm căn bản của khoa học tài chính. Đặc biệt khảo cứu các vấn đề ngân sách, thuế khóa, công trái dưới khía cạnh kinh tế cũng như luật pháp.
- X.461 *Doanh nghiệp và Doanh nhân tại Việt Nam (hội thảo và thực tập)* (4 Hp)
Nguyễn Văn Ngón, Tiến sĩ Kinh Tế Học, ĐH
Luật Khoa Saigon; Lâm Hồ, Phó Tổng Giám
Đốc Ngân Hàng Phát triển Kỹ Nghệ.
- Nhận định về tình hình Kinh tế Việt Nam. Đường hướng và mô thức phát triển kinh tế: phát triển canh nông và phát triển kỹ nghệ. Khung cảnh xã hội của sự phát triển kinh tế: ảnh hưởng của các yếu tố chính trị, pháp lý, văn hóa và xã hội. Vai trò của các định chế trong việc phát triển kinh tế. Nghiên

cứu vai trò hoạt động của các doanh nhân Việt Nam trong công cuộc phát triển doanh nghiệp và kinh tế quốc gia. Chương trình nhấn mạnh đến công tác thực tập tại các cơ sở doanh nghiệp. Các sinh viên sẽ được phân chia thành từng nhóm để làm những bài thuyết trình và phúc trình viết về các công tác khảo cứu.

NĂM THỨ TƯ BAN THƯƠNG MẠI HỌC

Đệ nhất Bán niên

Môn học	Học phần	Giáo sư
Sinh Ngữ Cấp 7	3	
Thiết Lập và Thăm Định Dự Án	3	Hà Dương Dục, M.B.A.
Tiếp Thị Học	3	ĐH California, Hoa Kỳ
Kế Toán Ngân Hàng	3	Phan Hương, M.B.A.
	3	Nguyễn Hữu An, Nguyễn Văn Lễ, Phó Tổng Thanh Tra Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam.
Kế Toán Phân Tích	3	Phạm Hữu Vũ, M.B.A.
Luật Khế Ước	3	Vũ Tam Tư, Tiến sĩ

Cộng 18

Đệ nhị Bán niên

Môn học	Học phần	Giáo sư
Sinh Ngữ Cấp 8	3	
Luật Thuế Vụ	3	Vũ Thiện Vinh, Cựu Tổng Giám Đốc Thuế vụ, Cố Vấn Pháp luật Công Ty Esso :
Quảng Cáo Thương Mại	2	Thích Long Nguyệt, M.B.A.

- Điện Toán Căn Bản 2 Trương Công Trứ, DES, Phó Giám Đốc Nha Điện Toán, Ngân Hàng QGVN.
- Nghiên Cứu Tác Vụ 2 Nguyễn Đình Điều, MS.
- Khoa Học Tài Chánh 3 Lê Công Truyền, Tiến sĩ
- Doanh Nghiệp và Doanh Nhân tại Việt Nam. (Hội thảo và thực tập) 4 Nguyễn Văn Hào, Tiến sĩ, Tổng Giám Đốc Quỹ Phát Triển Lâm Vãn Sĩ, Tổng Giám Đốc SOFIDIV.

Cộng 19

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

- X.401 Sinh ngữ Anh văn 7 (3 Hp)
- X.402 Sinh ngữ Anh văn 8 (3 Hp)
- X.410 Sinh ngữ Pháp văn 7 (3 Hp)
- X.411 Sinh ngữ Pháp văn 8 (3 Hp)
- X.451 Thiết lập và Thẩm định Dự án (3 Hp)
- Hà Dương Dục, M.B.A., ĐH. California, Hoa Kỳ.
- Sự quan trọng việc thiết lập và thẩm định dự án trong các hoạt động kinh doanh các phương pháp căn bản về việc thiết lập những dự án. Những khó khăn việc lập dự án kinh doanh tại Việt Nam,

- X.452 Tiếp Thị học (3 Hp)
- Phan Hương, M.B.A., ĐH. Syracuse, Hoa Kỳ
- Nghiên cứu thị trường, đo lường thị trường. Các chiến lược và chiến thuật tiếp thị. Diễn trình tiếp thị. Kế hoạch hóa sản phẩm ; nghiên cứu giá cả, quảng cáo. Giới thiệu sản phẩm, phân phối.
- X.453 Kế toán Ngân hàng (3 Hp)
- Nguyễn Hữu An, Nguyễn Văn Lễ, Phó Tổng Thanh Tra Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam.
- Khái niệm về hệ thống tập trung : trương mục cá nhân và trương mục tập thể. Sơ đồ điều động hệ thống tập trung. Khái niệm về kế toán ngân hàng thương mại : Các loại trương mục chánh. Nghiệp vụ ngân quỹ. Nghiệp vụ tín dụng. Nghiệp vụ xuất nhập cảng. Nghiệp vụ hối đoái.
- KT.454 Kế toán Phân tích (3 Hp)
- Phạm Hữu Vũ, M.B.A., ĐH. Syracuse Hoa Kỳ.
- Phân tích những dữ kiện kế toán cho những mục đích quản trị. Kỹ thuật thiết lập và chiết tính giá vốn các sản phẩm để đi đến những quyết định đầu tư trung và dài hạn.
- XT.455 Luật Khế ước (3 Hp)
- Vũ Tam Tư, Tiến sĩ Luật Khoa, ĐH. Saigon.

Sự thành lập kế ước : điều kiện thành lập kế ước ; sự thủ tiêu kế ước. Hiệu lực của kế ước : phạm vi áp dụng luật kế ước, những khó khăn trong việc áp dụng luật kế ước. Sự bất thi hành kế ước và những hậu quả của nó.

XT.456 *Luật Thuế vụ* (3 Hp)
Vũ Thiện Vinh, Cựu Tổng Giám Đốc Thuế Vụ,
Cố Vấn Pháp luật Công Ty Esso.

Đặc biệt nhấn mạnh về luật thuế vụ liên quan đến các hoạt động doanh thương. Đề cập tới những vấn đề thực hành hơn là lý thuyết, cung ứng cho sinh viên một kiến thức căn bản về luật thuế vụ áp dụng cho các xí nghiệp, thể nhân cũng như pháp nhân, hoạt động trong các ngành thương mại, kỹ nghệ và tiểu công nghệ.

XT.457 *Quảng cáo Thương mại* (2 Hp)
Thích Long Nguyệt, M.B A Đại Học. Kyoto
Nhật Bản.

Sự quan trọng của quảng cáo trong nền kinh tế hiện đại. Mục tiêu của quảng cáo. Các hình thức quảng cáo. Các kỹ thuật quảng cáo. Tổ chức quảng cáo và phí tổn quảng cáo.

XT.458 *Nghiên cứu Tác vụ* (2 Hp)
Nguyễn Đình Điều, M. S. (ĐH. Monterey,
Hoa Kỳ.

Nguồn gốc và lịch sử của ngành nghiên cứu tác vụ. Bản chất của khoa nghiên cứu tác vụ, phương pháp khảo cứu theo hệ thống. Các giai đoạn và dụng cụ nghiên cứu. Tổ chức nhân sự ngành nghiên cứu tác vụ. Khảo sát kỹ thuật nghiên cứu tác vụ thông dụng. Chương trình toán học và các kỹ thuật tối hảo. Các mô thức dựa trong xác suất và điện toán. Ứng dụng vào lãnh vực quản trị tài chánh, sản xuất và tiếp thị.

X.459 *Điện toán Căn bản* (2 Hp)
Trương Công Trứ, D.E.S (Kinh Toán Học)ĐH.
Bordeaux. Pháp, Phó Giám Đốc Nha Điện
Toán, Ngân Hàng Q.G Việt Nam.

Kỹ thuật phân tích điện toán nhập môn : phân tích dữ kiện bằng phương tiện kỹ thuật tân tiến và bằng kỹ thuật cổ điển. Hệ thống phân loại dữ kiện : thu thập dữ kiện trên các phiếu điện toán, và các phương tiện thu thập khác. Phân tích dữ kiện. Kiểm soát dữ kiện. Đại cương về các hệ thống điện cơ : tàng trữ và phân tích dữ kiện. Phương pháp giải quyết vấn đề bằng máy điện cơ. Thảo chương bằng các ngôn ngữ chuyên biệt. Điện cơ và quản trị xí nghiệp. Viễn tượng tương lai của điện toán.

X.460. *Khoa học Tài chính* (3 Hp)
Lê Công Truyền, Tiến sĩ Luật Khoa, ĐH.
Saigon.

Những khái niệm căn bản của khoa học tài
chánh. Đặc biệt khảo cứu các vấn đề ngân
sách, thuế khóa công trái dưới khía cạnh kinh
tế cũng như luật pháp.

X.461 *Doanh nghiệp và Doanh nhân Tại Việt Nam*
(Hội thảo và Thực tập) (4 Hp)
Nguyễn Văn Hảo, Tiến sĩ Kinh Tế Học, ĐH.
Genève, Thụy sĩ; Tổng Đốc Quỹ Phát Triển;
Lâm Văn Sĩ Tổng Giám đốc SOFIDIV.

Nhận định về hiện tình kinh tế Việt Nam.
Đường hướng và mô thức phát triển kinh
tế : phát triển canh nông và phát triển kỹ
nghệ. Khung cảnh xã hội của sự phát triển
kinh tế : ảnh hưởng của các yếu tố chính trị,
pháp lý, văn hóa và xã hội. Vai trò của các
định chế trong việc phát triển kinh tế. Nghiên
cứu vai trò hoạt động của các doanh nhân
Việt Nam trong công cuộc phát triển doanh
nghiệp và kinh tế quốc gia. Chương trình
nhấn mạnh đến công tác thực tập tại các cơ
sở doanh nghiệp. Các sinh viên sẽ được phân
chia thành từng nhóm để làm những bài
thuyết trình và phúc trình viết về các công
tác khảo cứu.

NĂM THỨ TƯ BAN CHÍNH TRỊ HỌC

Đệ nhất Bán niên

Môn học	Học phần	Giáo sư
Sinh Ngữ Cấp 7	3	
Kỹ Thuật Quản Trị Tân Tiến	3	Trần Anh Tuấn, Ph. D.,
Các Vấn Đề Chính Trị		
Quốc Tế	3	Trần Như Tráng, Ph. D.,
Quốc Tế Công Pháp	3	Nguyễn Khắc Nhân, Giáo sư Học Viện QG. Hành Chánh
Chính Trị và Kinh Tế các		
Quốc Gia Đông Nam Á Châu	3	Tạ Văn Tài, Ph. D. và Lê Thị Hồng, M.A.
Tổ Chức và Quản trị Cơ Sở		
Báo Chí I	2	Nguyễn Văn Thái
Kỹ Thuật Trình Bày các		
trang báo I	2	
Cộng 19		

Đệ nhị Bán niên

Môn học	Học phần	Giáo sư
Sinh Ngữ Cấp 8	3	
Chính Sách Đối Ngoại của		
các Cường Quốc	3	Hoàng Ngọc Thành, Ph. D.

Các Vấn Đề Chính Trị VN	
Hiện Đại	3 Trần Văn Tuyên, Luật Sư.
Chính Trị và Kinh Tế các Quốc Gia Đông Á	
(TH, Nhật, Đại Hàn)	3 Thích Giác Đức, Ph. D.
Xã Hội Học về Tuyền Thông Đại Chúng	
	2 Huỳnh Văn Tòng, Tiến sĩ.
Tổ Chức và Quản Trị Cơ Sở Báo Chí II	
	2 Nguyễn Văn Thái
Kỹ Thuật Trình Bày các trang báo II	
	2
Cộng 18	

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

X.401	Sinh ngữ Anh văn 7	(3 Hp)
X.402	Sinh ngữ Anh văn 8	(3 Hp)
X.410	Sinh ngữ Pháp văn 7	(3 Hp)
X.411	Sinh ngữ Pháp văn 8	(3 Hp)
XC.471	Kỹ thuật Quản trị Tấn tiến	(3 Hp)
	Trần Anh Tuấn, Ph. D.	
	Sơ lược tiến trình trưởng thành của khoa quản trị học. Quản trị công và quản trị tư. Các kỹ thuật quản trị mới : Hệ thống ngân sách chương trình và kế hoạch (PPBS) Nghiên cứu tác vụ (OR). Phân tích tiện ích và phí tổn. Kỹ thuật kiểm soát (PERT) Quản trị như một nghệ thuật tâm lý.	

XC.472	Các Vấn đề Chính trị Quốc tế	(3 Hp)
	Trần Như Tráng, Ph. D.	
	Các vấn đề cộng tác và tranh chấp giữa các cường quốc : vấn đề tài giảm vũ khí ; vấn đề tranh chấp giữa Nga Sô và Trung Cộng và sự tái thiết lập bang giao giữa Hoa Kỳ và Trung Cộng. Vấn đề cộng tác và tranh chấp giữa các nước của thế giới đệ tam và các cường quốc : Vấn đề viện trợ kinh tế, kỹ thuật, tài chánh và các tổ chức liên minh chính trị, quân sự.	
XC.473	Quốc tế Công pháp	(3 Hp)
	Nguyễn Khắc Nhân, Giáo sư thực thụ Học Viện Quốc Gia Hành Chánh.	
	Diễn tiến phát triển quốc tế công pháp. Nguồn gốc quốc tế công pháp: hiệp ước và các tục lệ. Chủ thể của quốc tế công pháp : quốc gia, và những trường hợp đặc biệt, các công ty quốc tế công cộng và một số công ty tư doanh. Các định chế quốc tế công pháp như Liên Hiệp Quốc, Quốc Tế Pháp Viện...	
XC.474	Chính trị và Kinh tế các Quốc gia Đông Nam Á Châu	(3 Hp)
	Tạ Văn Tài, Ph.D., và Lê Thị Hồng, MA.	
	Mô thức phát triển kinh tế và chính trị tại các quốc gia Đông Nam Á Châu từ sau thời kỳ dành lại được độc lập. Kinh nghiệm phát	

- triển kinh tế và chính trị ở Ấn Độ được nghiên cứu tỉ mỉ.
- XC.475 *Tổ chức và quản trị cơ sở báo chí I, II.* (4 Hp)
Nguyễn Văn Thái, Chủ nhiệm báo Thời Nay Saigon.
- Tổ chức tổng quát. Các chức vụ trong tòa báo. Phân nhiệm. Liên hệ giữa tòa soạn và trị sự. Các vấn đề nhân viên, lương bổng, quảng cáo phát hành... Nhà in, chữ, giấy in, mực. Kế toán và thuế vụ. Các vấn đề lao động liên quan đến các nhân viên tòa báo.
- XC.476 *Kỹ thuật Trình bày các trang báo và ấn loát I, II.* (4 Hp)
- Công việc sửa chữa các bài vở. Công việc cải thiện bài vở. Cách xử dụng các bài vở của các hãng thông tấn. Các dấu hiệu và cách sửa chữa các bản vở. Các nguyên tắc trình bày các trang báo (trang nhất, trang trong, trang bình luận...) khổ lớn và khổ nhỏ. Các vấn đề của việc trình bày các trang báo. Chọn lựa và xử dụng hình ảnh. Viết chú thích hình ảnh. Kỹ thuật ấn loát. Các loại máy in, các kiểu chữ xử dụng để sắp các loại bài. Các loại bản kẽm.
- XC.477 *Chính sách Đối ngoại của các Cường quốc* (3Hp)
Hoàng Ngọc Thành, Ph. D. (Sử Học) Hawaii, Hoa Kỳ.

- Khảo sát chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ, Nga Sô, Nhật Bản, Trung Cộng, Pháp... Đặc biệt nhấn mạnh đến chính sách của Hoa Kỳ và Nga Sô từ sau đệ nhị thế chiến.
- XC.478 *Các vấn đề Chính trị Việt nam hiện đại.* (3 Hp)
Trần Văn Tuyên, Luật Sư Tòa Thượng Thẩm Saigon.
- Khảo sát những vấn đề chính trị của Việt Nam từ 1954 đến nay. Đặc biệt khảo cứu những diễn tiến chính trị đưa tới Hiệp định Genève 1954 và Hiệp định Ba Lê 1973. Trình bày và cắt nghĩa tại sao hệ thống công quyền, đảng phái tại Việt Nam Cộng Hòa chưa được hữu hiệu. Những vấn đề khó khăn của tình hình chính trị Việt Nam cần phải giải quyết.
- XC.479 *Chính trị và Kinh tế các quốc gia Đông Á, (Trung Hoa, Nhật, Đại Hàn).* (3 Hp)
Thích Giác Đức, Ph. D.
- Mô thức phát triển kinh tế và chính trị tại Nhật Bản (sau đệ II thế chiến), Trung Hoa Quốc Gia, Trung Cộng và Đại Hàn Dân Quốc.
- X.480 *Xã hội học Truyền thông đại chúng* (3 Hp)
Huỳnh Văn Tòng, Tiến sĩ Báo chí học Đ.H. Sorbonne, Pháp.
- Định nghĩa, tính chất và nhiệm vụ của truyền thông đại chúng. Các ngành truyền thông đại chúng: báo chí, sách vở, truyền thanh, truyền hình, điện ảnh, quảng cáo. Sự phát triển của truyền thông đại chúng trong xã hội. Những trách nhiệm trong truyền thông đại chúng.

NĂM THỨ TƯ BAN XÃ HỘI HỌC

Đệ nhất Bán niên

Môn Học	Học Phần	Giáo Sư
Sinh Ngữ Cấp 7	3	
Xã Hội Học Tôn Giáo	2 Thích Giác Đức, Ph.D.	
Tín Ngưỡng và Tôn Giáo của người Việt Nam	3 Lê Văn Siêu, Học Giả	
Xã Hội Học về Diễn Tiến		
Phát Triển	3 Phạm Như Hồ, Maitrise	
Vấn đề Thiếu Nhi Phạm Pháp	2 Đoàn Triệu Hân, Cao Học	
Kỹ Thuật Công Tác Tập Thể	2 Nguyễn Văn Thành, M.A.	
Xã Hội Học Nông Thôn	3 Lê Văn Hòa, Ph.D.	

Cộng : 18

Đệ nhị Bán Niên

Môn Học	Học Phần	Giáo Sư
Sinh Ngữ Cấp 8	3	
Các Tổ Chức An Sinh Xã Hội	3 Lê Đình Phước, M.A.	
Xã Hội Học về Truyền Thông		
Đại Chúng	2 Huỳnh Văn Tông, Tiến Sĩ	

Các Sắc Tộc Thiếu Số tại Việt Nam

2 Nghiêm Thâm, Giáo Sư Đại Học Văn Khoa

Phân Tích Cơ Cấu Xã Hội 3 Vũ Trọng Phan, M.A.

Các Vấn Đề Xã Hội Việt Nam 2 Nguyễn Văn Đâu, Cao Học

Kế Hoạch Hóa Gia Đình 2 Tôn Thất Niệm, Bác Sĩ

Cộng : 17

NỘI DUNG CÁC MÔN HỌC

X.481	Sinh ngữ Anh văn 7	(3 Hp)
X.402	Sinh ngữ Anh văn 8	(3 Hp)
X.410	Sinh ngữ Anh văn 7	(3 Hp)
X.411	Sinh ngữ Anh văn 8	(3 Hp)
XX.471	Xã hội học Tôn giáo	(2 Hp)
	Thích Giác Đức, Ph.D. (Chính trị Học) Đại Học Claremont, Hoa Kỳ.	

Ý niệm căn bản về tôn giáo. Tôn giáo liên quan đến cơ cấu tổ chức, xã hội. Quá trình phát triển xã hội. Đặc biệt khai thác và phân tích những vấn đề những trách vụ của tôn giáo trong hoàn cảnh xã hội.

XX.472	Tín ngưỡng và Tôn giáo của người Việt Nam	(3 Hp)
	Lê Văn Siêu, Học Giả,	

Nhấn mạnh đến nhiều hình thức tín ngưỡng và lễ nghi liên hệ biện hữu trong đời sống xã hội Việt Nam. Ảnh hưởng của tín ngưỡng và tôn giáo trong đời sống sinh hoạt và tâm lý của cá nhân trong xã hội. Sự biến chuyển của tín ngưỡng, lễ nghi của người Việt Nam.

XX.473 *Xã hội học về Diễn tiến Phát triển* (3 Hp)
Phạm Như Hồ, Maitrise (Xã hội học) Đại Học Paris, Pháp

Trình bày các lý thuyết về diễn tiến phát triển văn hóa và xã hội. Diễn tiến phát triển văn hóa và xã hội trong quá trình bình thường và qua các cuộc cải cách hay cách mạng. Các vấn đề khó khăn liên hệ. Quan sát các hiện tượng biến đổi trong văn hóa và xã hội Việt Nam : tổ chức xã hội, tôn giáo, gia đình, làng mạc cũng như thành thị.

XX.474 *Vấn đề Thiếu nhi Phạm pháp* (2 Hp)
Đoàn Triệu Hân, Cao Học Xã Hội Học ĐH. Văn Khoa Saigon.

Phân tích sự phát triển của vấn đề thiếu nhi phạm pháp, quá trình chuyên nghệ hóa thiếu nhi phạm pháp, các hình thức thiếu nhi phạm pháp. Trình bày các lý thuyết về hành vi phạm pháp, và các biện pháp điều trị và kiểm soát. Nhấn mạnh thêm hiện tình thiếu nhi phạm pháp ở các đô thị lớn ở Việt Nam,

XX.475 *Kỹ thuật Công tác Tập thể* (2 Hp)
Nguyễn Văn Thành, M.P.A. Đại Học Brigham Young, Hoa Kỳ.

Trình bày kỹ thuật căn bản trong việc lãnh đạo chương trình công tác xã hội và điều hành tổ chức. Phân tích các khó khăn trong vấn đề lãnh đạo. Thảo luận phương thức vượt qua những vấn đề khó khăn trong công tác tập thể.

XX.476 *Xã hội học Nông thôn* (3 Hp)
Lê Văn Hòa, Ph.D. (Xã Hội Học), Đại Học Kentucky, Hoa Kỳ.

Trình bày những đặc tính căn bản đời sống nông thôn ; thảo luận quá trình biến chuyển từ đời sống nông thôn đến đời sống đô thị ; tín ngưỡng, phong tục và sinh hoạt xã hội. Các vấn đề khó khăn của xã hội nông thôn Việt Nam hiện tại, đặc biệt chú trọng đến các chương trình phát triển và an sinh xã hội làng mạc.

XX.477 *Các Tổ chức An sinh Xã hội* (3 Hp)
Lê Đình Phước, M.A. (Công Tác Xã Hội) Đại Học Illinois, Hoa Kỳ.

Thảo luận vai trò thiết yếu của các tổ chức này. Trình bày sự hình thành, phát triển và hoạt động một số tổ chức an sinh xã hội hiện

hoạt động ở Việt Nam. So sánh các tổ chức này ở Việt Nam và một số tổ chức tương tự ở các nước đang phát triển.

- XX.478 *Các Sắc tộc Thiểu số tại Việt Nam* (2 Hp)
Nghiêm Thẩm, Giáo sư ĐH. Văn Khoa Saigon
Trình bày các sắc tộc thiểu số hiện hữu tại Việt Nam. Nguồn gốc và diễn biến của các sắc tộc thiểu số. Văn minh và đời sống xã hội của họ. Các sự xung nghịch và hòa giải giữa các sắc tộc thiểu số và người Việt bản thổ.

- XX.479 *Phân tích Cơ cấu Xã hội* (3 Hp)
Vũ Trọng Phan, M.A. (Xã Hội Học) Đại Học Texas, Hoa Kỳ.

Phân tích các hình thức và quá trình thành hình các cơ cấu xã hội. Nhiệm vụ căn bản của các cơ cấu này đối với cá nhân và xã hội. Hòa hợp và phân tán của cơ cấu xã hội. Đặc biệt nhấn mạnh đến những tương quan các cơ cấu kinh tế, chính trị, tôn giáo và hệ thống giai cấp trong xã hội.

- X.480 *Xã hội học Truyền thông Đại chúng* (3 Hp)
Huỳnh Văn Tông, Tiến sĩ Báo Chí Học, ĐH. Sorbonne, Pháp.

Định nghĩa, tính chất và nhiệm vụ của truyền thông đại chúng. Các ngành truyền thông đại

chúng : báo chí, sách vở, truyền thanh, truyền hình, điện ảnh, quảng cáo. Sự phát triển của truyền thông đại chúng trong xã hội. Những trách nhiệm trong truyền thông đại chúng.

- XX.481 *Các vấn đề Xã hội Việt Nam* (2 Hp)
Nguyễn Văn Đậu, Cao Học Xã Hội Học ĐH. Văn Khoa Saigon.

Một số vấn đề thiết thực sẽ được đem ra thảo luận; chẳng hạn, các vấn đề khó khăn ở gia đình, học đường, và nghề nghiệp v.v... của người Việt Nam hiện giờ.

- XX.482 *Kế hoạch hóa gia đình* (2 Hp)
Tôn Thất Niệm, Bác sĩ, ĐH. Y Khoa Saigon.
Trình bày các kế hoạch kiểm sinh để quân bình đời sống gia đình. Thảo luận những liên hệ khó khăn : tin ngưỡng, tâm lý, và kỹ thuật áp dụng trong kế hoạch hóa gia đình.

C.— CẤP CAO HỌC

Chương trình cấp Cao học tại Phan Khoa Khoa Học Xã Hội nhằm hai mục tiêu căn bản sau đây :

- Cung ứng cho sinh viên cơ hội thâm cứu ngành chính của họ để có đủ khả năng và kiến thức cần thiết cho một nhân viên chỉ huy trong phạm vi hoạt động liên hệ.

— Tạo cơ hội cho sinh viên chuẩn bị đề trình luận án Tiến sĩ.

Tại cấp Cao Học, sinh viên sẽ theo học đề lấy văn bằng Cao Học Khoa Học Xã Hội tương đương như văn bằng Master of Arts in Social Sciences của các đại học Âu Mỹ. Trong chương trình này, sinh viên phải chọn một ngành học chính và một ngành học phụ. Tổng số học phần cần cho văn bằng Cao Học này được ấn định là 42, gồm có 36 học phần dành cho giảng văn và 6 học phần dành cho tiểu luận Cao Học. Số học kỳ được ấn định bắt buộc là 4, phân chia như sau :

- Học kỳ 1 : 4 giảng văn
- Học kỳ 2 : 4 giảng văn
- Học kỳ 3 : 4 giảng văn
- Học kỳ 4 : ghi danh đề viết tiểu luận.

Trong tổng số 36 học phần được ấn định cho giảng văn, sinh viên sẽ phải chọn :

— 18 học phần dành cho các giảng văn quan yếu bắt buộc phù hợp với ngành chính, các giảng văn này được ấn định riêng cho từng ngành học.

— 12 học phần dành cho các giảng văn liên hệ đến ngành học phụ, do vị giáo sư cố vấn chọn cùng với sinh viên, trong số các giảng văn được giảng dạy tại Phân Khoa Khoa Học Xã Hội và các Phân Khoa khác thuộc Đại Học Vạn Hạnh.

— 6 học phần (tương đương với 2 giảng văn) học dưới sự hướng dẫn của hai giáo sư do chính sinh viên chọn. Phương pháp học này nhằm mục đích khai phá sự thích thú của sinh viên về một đề tài nào đó để sinh viên có thể lựa chọn mà viết tiểu luận. Các ngành học ở cấp Cao Học được ấn định như sau :

I) *Lĩnh vực Kinh tế :*

- 1.— Kinh tế học tổng quát (General Economics)
- 2.— Phát triển kinh tế (Economic Development)
- 3.— Tiền tệ và ngân hàng (Money and Banking)
- 4.— Lý thuyết kinh tế (Economic Theories)
- 5.— Kinh tế quốc tế (International Economics)
- 6.— Kinh toán và thống kê (Statistics and Econometrics)

II) *Lĩnh vực Thương mại :*

- 7.— Quản trị doanh nghiệp (Business Administration)
- 8.— Kế toán (Accounting)
- 9.— Tài chánh và kinh tế doanh thương (Finance and Business Economics)
- 10.— Tổ chức và quản trị (Organization and Management)
- 11.— Thị trường và truyền thông doanh thương (Marketing and Business Communication)

III) *Lĩnh vực Chính trị :*

- 12.— *Bang giao quốc tế (International Relations)*
- 13.— *Hành chánh công quyền (Public Administration)*
- 14.— *Chính trị học đối chiếu và phát triển chính trị (Comparative politics and political development)*
- 15.— *Chính quyền và chính trị Việt Nam (Vietnamese government and political development)*
- 16.— *Học thuyết chính trị (Political Doctrines)*

IV) *Lĩnh vực xã hội :*

- 17.— *Lý thuyết xã hội học (Sociological Theories)*
- 18.— *Xã Hội học nông thôn (Rural Sociology)*
- 19.— *Dân số học và Sinh thái học (Demography and Ecology)*
- 20.— *Tâm Lý Xã Hội Học (Social Psychology)*
- 21.— *Công tác phát triển xã hội (Social works and social development)*

D.— **CẤP TIẾN SĨ**

Tại cấp Tiến Sĩ, sinh viên sẽ theo học đề lấy văn bằng Tiến Sĩ Khoa Học Xã Hội, tương đương với bằng Ph.D. in Social Sciences của các Đại Học ngoại quốc. Trong chương trình này, sinh viên sẽ phải chọn một ngành học chính

(major) và hai ngành học phụ (minors). Kể từ bằng Cao Học, sinh viên Tiến Sĩ phải học và ghi danh cho tổng số là 48 học phần (credits), phân chia như sau :

*giảng văn : tối thiểu 18 học phần, tối đa 36 học phần
luận án : tối đa 30 học phần, tối thiểu 12 học phần*

Như vậy, nếu sinh viên muốn học nhiều giảng văn để bổ túc kiến thức, sinh viên sẽ chỉ đóng ít tiền lệ phí khi viết luận án, và luận án có thể được phép đệ trình nhanh hơn (mỗi học kỳ « lục cá nguyệt », sinh viên chỉ được phép ghi danh 6 học phần luận án. Tối thiểu, sinh viên phải soạn thảo luận án trong 2 học kỳ (1 năm), với 12 học phần luận án, hoặc tối đa, sinh viên phải hoàn tất luận án trong 5 học kỳ (2 năm rưỡi), với 30 học phần luận án).

Cấp Tiến Sĩ Sinh Viên, với sự hướng dẫn của Giáo Sư Cố Vấn, sẽ chọn học các giảng văn cần thiết, để đạt được mục tiêu tối thiểu sau đây : trước khi thi Khảo Sát Tổng Quát kể cả chương trình Cao học sinh viên phải có tối thiểu :

24 học phần thuộc ngành học chính

12 học phần thuộc ngành học phụ thứ nhất

12 học phần thuộc ngành học phụ thứ hai

6 học phần thuộc kỹ thuật nghiên cứu và sưu tầm

Tuy nhiên, đây chỉ là sự phân phối dành cho những sinh viên thật xuất sắc. Thông thường, Phán Khoa khuyến khích sinh viên phải có khoảng 30 học phần cho ngành học chính, 15 học phần cho mỗi ngành học phụ, 9 học phần cho

phương pháp nghiên cứu, và đề dành 15 học phần cho luận án Tiến Sĩ.

Sau khi hoàn tất giảng văn cấp Tiến Sĩ, sinh viên phải qua một kỳ thi Khảo Sát Tổng Quát (Comprehensive Exams) gồm 5 bài thi, ấn định như sau :

Bài thứ nhất : về ngành học chính

Bài thứ hai : về ngành học phụ 1

Bài thứ ba : về ngành học phụ 2

Bài thứ tư : về kỹ thuật nghiên cứu và sưu tầm
(methodology)

Bài thứ năm : về môn sinh ngữ liên hệ đến luận án,
hoặc do sinh viên chọn.

Kỳ thi Khảo Sát Tổng Quát cấp Tiến Sĩ chỉ được mở mỗi năm hai lần, cách nhau khoảng chừng 6 tháng. Mỗi sinh viên chỉ được phép dự thi Khảo Sát hai lần, nếu không đỗ, sẽ không được phép tiếp tục đề theo ban Tiến Sĩ. Sau khi đỗ Khảo Sát Tổng Quát, sinh viên phải đệ nạp cho văn phòng Phân Khoa Khoa Học Xã Hội một bản thảo Luận Án được ba Giáo Sư Phân Khoa Khoa Học Xã Hội chấp thuận (1 trong ba vị này phải là Giáo Sư Bảo Trợ Luận Án). Sau khi hoàn tất giai đoạn này, sinh viên sẽ được mang danh hiệu Ứng Viên Tiến Sĩ (Ph. D. Candidate), và luận án phải được đệ trình trong thời hạn 5 năm kể từ lúc sinh viên thi đỗ Khảo Sát Tổng Quát. Quá thời hạn này, sinh viên phải thi lại Khảo Sát Tổng Quát.